



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CAM RANH

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2019

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	7
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Thông tin về mô hình quản trị	11
Định hướng phát triển	13
Các rủi ro	15

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	21
Tổ chức nhân sự	23
Tình hình đầu tư thực hiện dự án	33
Tình hình tài chính	36
Tình hình cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu	41
Trách nhiệm với môi trường cộng đồng	42

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	45
Tình hình tài chính	49
Những cải tiến trong năm về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	51
Kế hoạch phát triển trong tương lai	53
Báo cáo đánh giá trách nhiệm môi trường và xã hội	57

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	63
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	64
Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban điều hành	65
Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	65

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	69
Các nghị quyết / quyết định trong năm	69
Ban Kiểm soát	71
Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	72
Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác	72

Báo cáo tài chính đã kiểm toán	73
--------------------------------	----



THÔNG TIN CHUNG

Vịnh Cam Ranh

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Giấy chứng nhận ĐKDN số	: 4200272350, điều chỉnh lần thứ 3 vào ngày 25/06/2015
Vốn điều lệ	: 245.018.170.000 đồng
Vốn đầu tư CSH	: 275.532.970.108 đồng (tại thời điểm 31/12/2019)
Địa chỉ	: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Số điện thoại	: (0258) 3854 307
Số fax	: (0258) 3854 536
Website	: www.camranhport.vn
Mã cổ phiếu	: CCR



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1990

Ngày 30/05, Công ty TNHH một thành viên Cảng Cam Ranh trước đây là Cảng Ba Ngòi được thành lập theo Quyết định số 589/QĐ-UB của UBND tỉnh Khánh Hòa, là loại hình Công ty nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa.

2007

Ngày 31/10 Cảng Ba Ngòi được chuyển giao nguyên trạng thành Công ty nhà nước, thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinelines)

2009

Ngày 16/01, Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Cam Ranh được thành lập theo Quyết định số 168/BGTVT

2014

Ngày 19/03, Công ty cổ phần hóa theo Nghị quyết số 749/NQ-HHVN của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam

2015

Ngày 25/06, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Ngày 20/08, Công ty được chấp thuận Đăng ký công ty đại chúng theo Thông báo số 5194/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN)

2019

Ngày 23/05, Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh đã thoái vốn thành công phần vốn góp tại Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh thông qua hình thức đấu giá công khai

GIẢI THƯỞNG GẦN NHẤT

Năm	Danh hiệu, hình thức khen thưởng	Quyết định số
2014	Cờ thi đua của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	07/QĐ-HHVN ngày 13/01/2015
	Tập thể lao động xuất sắc của Bộ GTVT	3823/QĐ-BGTVT ngày 28/10/2015
2015	Tập thể lao động xuất sắc của Bộ GTVT	2391/QĐ-BGTVT ngày 02/8/2016
2016	Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ	175/QĐ-TTg ngày 09/02/2017
	Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa	199/QĐ-UBND ngày 18/01/2017
	Giấy khen của Sở Tài chính	234/QĐ-STC ngày 11/10/2016
2018	Bằng khen (Công đoàn Tổng công ty) của Công đoàn TCT	Quyết định số: 126/QĐ-CĐHH-VN ngày 10/7/2019
	Bằng khen (Công đoàn Tổng công ty) của Công đoàn TCT	Bằng khen (Công đoàn Tổng công ty) của Công đoàn TCT
2019	Cờ thi đua của Tổng Công ty HHVN	354/QĐ-HHVN ngày 29/10/2019
	Cờ thi đua của Thủ tướng	1503/QĐ-TTg ngày 01/11/2019
	Bằng khen (Công đoàn Tổng công ty) của Công đoàn TCT	Quyết định số:126/QĐ-CĐHH-VN ngày 10/7/2019

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

• Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
• Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
• Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistics; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu hộ cứu nạn tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế hải quan.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Địa điểm kinh doanh chính của Công ty đặt tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Hoạt động kinh doanh của Công ty trải rộng trên toàn quốc thông qua hệ thống quan hệ kinh doanh với khách hàng là các chủ tàu, chủ hàng, các đại lý hàng hải, vận tải biển.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Đại hội đồng cổ đông:

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đương nhiệm có năm (05) thành viên, trong đó có bốn (04) thành viên không tham gia điều hành và một (01) thành viên điều hành.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đương nhiệm có (03) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên chuyên trách không tham gia điều hành và hai (02) thành viên kiêm nhiệm (không phải ở bộ phận kế toán của Công ty)

Ban Tổng Giám đốc:

Bao gồm một (01) Tổng giám đốc, một (01) Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc.

Công ty con:

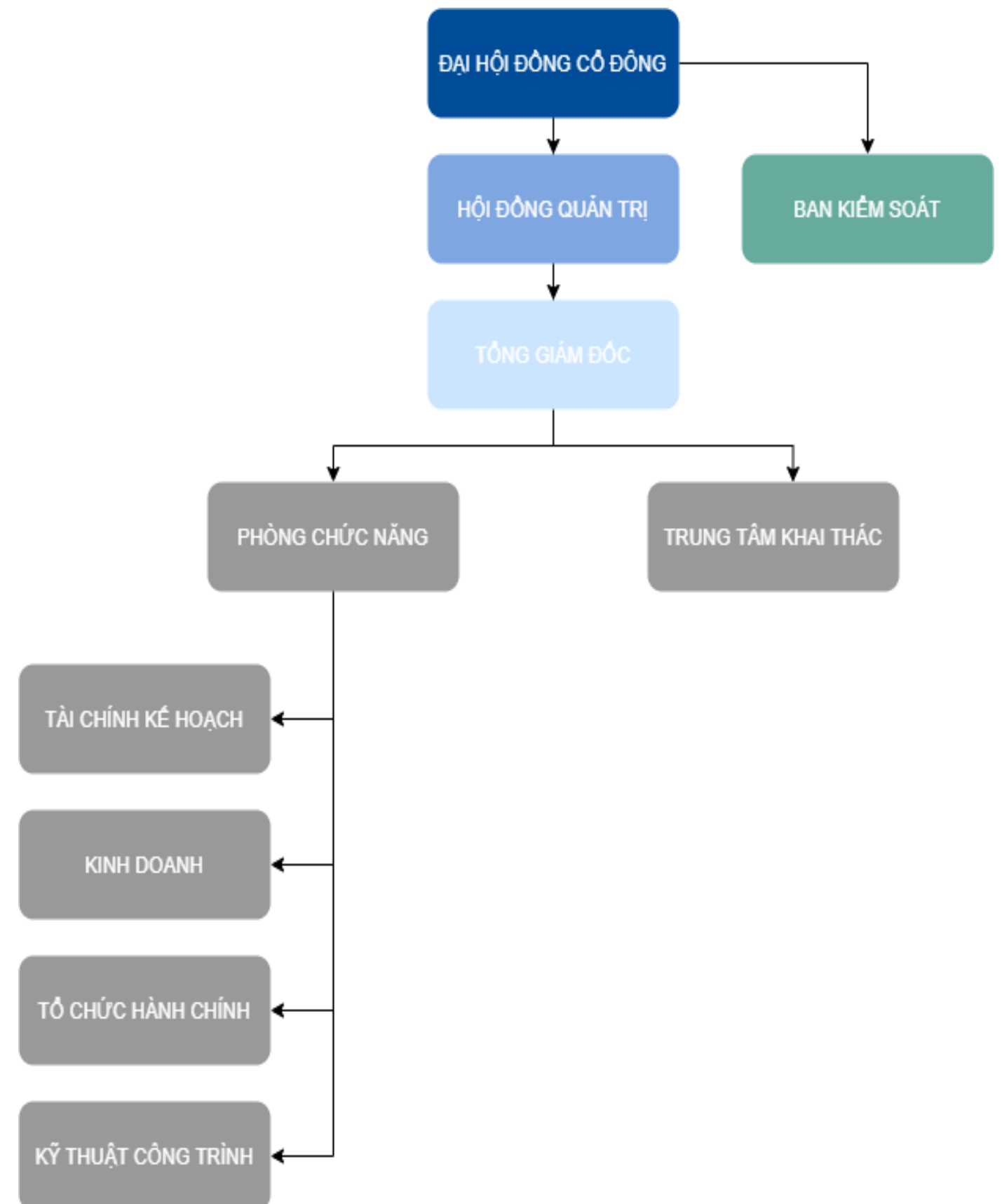
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI CẢNG CAM RANH.

Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ hàng hải

Vốn điều lệ thực góp: 7.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của Chủ sở hữu: 51%.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tập trung nguồn lực đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng cảng biển (bến cảng, phương tiện xếp dỡ, kho bãi, hạ tầng kỹ thuật) để tăng sức mạnh cạnh tranh, năng lực xếp dỡ cả về chủng loại và sản lượng. Triển khai công tác marketing để thu hút và tăng sản lượng hàng thông qua cảng với năng lực xếp dỡ là 2,5 triệu tấn/năm vào năm 2020. Mở rộng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, xây dựng chuỗi cung ứng (logistics), xây dựng khu vực hậu cần sau cảng nằm trong diện tích đất và mặt nước được quy hoạch.

Tiêu chí thực hiện chiến lược giai đoạn này là: “Mở rộng thị trường mới trên cơ sở phát triển và khai thác hiệu quả thị trường hiện có”.

Định hướng đến năm 2030: Tiếp tục phát triển sâu - rộng các lĩnh vực kinh doanh của công ty, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ càng biển theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa với công suất khai thác đạt 5 triệu tấn/năm.



Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Trở thành doanh nghiệp khai thác cảng trọng điểm của cả nước và trong khu vực, là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng logistics của Việt Nam và khu vực, tạo nguồn động lực để phát triển kinh tế - xã hội địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, là Cảng biển xếp thứ 3 khu vực Trung Bộ về sản lượng khai thác.

Các mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng và môi trường

Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội:

Tinh thần trách nhiệm cộng đồng đã được tích hợp đầy đủ vào mô hình và chính sách kinh doanh, các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng của Công ty.

Các chính sách đối với cộng đồng của Công ty dựa vào các nền tảng nhằm xác định các cách thức phù hợp nhất trong các giao dịch kinh doanh với tất cả các bên liên quan bao gồm: khách hàng, nhà cung cấp, các nhân viên, và cộng đồng nói chung, nhằm mục tiêu cùng phát triển.

Trách nhiệm đối với môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường biển luôn được Công ty chú trọng trong quá trình vận hành, khai thác cảng biển. Đề án bảo vệ môi trường bao gồm kế hoạch quản lý và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; có chương trình giám sát và quản lý giai đoạn vận hành, phải thu gom và xử lý chất thải rắn, lỏng và chất thải công nghiệp từ tàu cập cảng; xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng chống sự cố (tràn dầu, tràn hóa chất, cháy nổ, an toàn lao động); sẵn sàng phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu; định kỳ lập báo cáo môi trường khu vực cảng.

Công ty có hệ thống tiếp nhận và xử lý các chất thải từ tàu, bên cạnh đó, còn quan tâm tới vấn đề phát triển đồng bộ giữa cảng biển với mạng cơ sở hạ tầng sau cảng, giữa kết cấu hạ tầng cảng biển với hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển, kiểm soát được ô nhiễm môi trường.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% so với năm 2018, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Tính chung ngành vận tải trong năm 2019, vận tải hàng hóa đạt 1.684,1 triệu tấn, tăng 9,7% so với năm trước, trong đó vận tải trong nước đạt 1.650 triệu tấn, tăng 9,8% và vận tải ngoài nước đạt 34,1 triệu tấn, tăng 4,3% so với năm 2018. Qua những con số tăng trưởng kinh tế ấn tượng trong năm 2019 như GDP, có thể nói nhìn chung các Công ty hoạt động trong nền kinh tế Việt Nam vừa trải qua một năm thành công khi có mức tăng trưởng không chỉ vượt qua mục tiêu ban đầu được đề ra mà còn vượt qua cả những dự báo của các tổ chức uy tín trên thế giới như Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (6,8%). Dưới tác động của thương chiến Mỹ - Trung, dòng vốn FDI vào Trung Quốc đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ sang các nước lân cận và Đông Nam Á là một trong những lựa chọn, trong đó có Việt Nam. Các chuyến tàu hàng không thể cập bến Trung Quốc sẽ tìm đường đến những nước khác trong khu vực. Điều này làm tăng nhu cầu kho vận, xếp dỡ và là một cơ hội cho ngành cảng biển nói chung và Cảng Cam Ranh nói riêng. Tuy nhiên, để có thể đón đầu được những cơ hội này, các cảng trong nước phải có sự chuẩn bị về cơ sở hạ tầng, bến cảng với công nghệ hiện đại để bắt kịp sự phát triển của thế giới.



Rủi ro lãi suất

Trong năm 2019, lãi suất cho vay ở Việt Nam phổ biến khoảng 6% - 9%/năm đối với ngắn hạn và 9% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung mặt bằng lãi suất cho vay ở nước ta trong năm nay được duy trì ổn định. Ở Cảng Cam Ranh, nguồn vốn đến từ các khoản vay tài chính chiếm hơn 60% cơ cấu nợ phải trả, vì vậy nếu lãi suất cho vay có sự biến động cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là trong giai đoạn Công ty cần nguồn vốn vay lớn để đầu tư, phát triển các bến cảng tốt hơn, nhằm phục vụ cho nhu cầu khai thác hàng hóa qua cảng trong thời gian tới. Do đó, mặc dù ở thời điểm hiện tại lãi suất cho vay đang ổn định ở mức thấp, Công ty cần phải liên tục theo dõi những biến động của lãi suất cho vay từ đó cơ cấu lại nguồn vốn, giảm thiểu tối đa rủi ro đến từ biến động lãi suất.

Rủi ro pháp luật

Là một Công ty cổ phần đại chúng đang được giao dịch trên Hệ thống đăng ký giao dịch UPCOM, ngoài việc chịu ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung. Bên cạnh đó, với đặc thù là một Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng biển, Công ty còn phải chịu sự chi phối từ Bộ luật Hàng hải, Luật Thương mại và Luật Giao thông vận tải...

Vào tháng 11/2019, Quốc hội đã thông qua Bộ Luật lao động sửa đổi năm 2019, có hiệu lực vào ngày 01/01/2021 với các nội dung đáng chú ý như: sửa đổi liên quan đến hợp đồng lao động, quy định mới về thử việc, bãi bỏ và bổ sung các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động, tăng tuổi nghỉ hưu, thành lập tổ chức công đoàn độc lập. Ngoài ra cũng trong năm 2019, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Chứng khoán (sửa đổi) và có hiệu lực vào 01/01/2021 với nhiều nội dung quan trọng được đổi mới như: quy định về công bố thông tin, việc quản trị Công ty đại chúng,...

Với việc hệ thống pháp luật liên quan đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, các chính sách của Nhà nước được thay đổi dần để bắt kịp với sự phát triển của thế giới. Khi có sự thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực sản xuất và các lĩnh vực liên quan khác để kịp thời có những chiến lược đúng đắn trong từng thời kỳ.

Rủi ro cạnh tranh

Địa bàn hoạt động chính của Công ty nằm ở vịnh Cam Ranh thuộc địa phận của tỉnh Khánh Hòa. Với địa thế thuận lợi khi nằm trên trục giao thông Bắc Nam, thuận lợi cả về đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Nhận thấy lợi thế này, tỉnh Khánh Hòa tập trung phát triển giao thông vận tải theo hướng tận dụng lợi thế của 3 vịnh Vân Phong, Nha Trang và Cam Ranh nằm trên trục đường hàng hải Quốc tế Nam - Bắc Á, đẩy mạnh phát triển vận tải biển bằng phương thức Container, tập trung đầu tư xây dựng cảng biển, khai thác hoạt động dịch vụ hàng hải, phát triển công nghiệp tàu thủy... điều này đã thúc đẩy ngành công nghiệp hàng hải ở địa phương phát triển mạnh đồng thời cũng làm cho mức độ cạnh tranh trong ngành dịch vụ khai thác cảng biển trở nên vô cùng khốc liệt. Theo thống kê của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa, hiện nay có tổng cộng hơn 12 cảng lớn nhỏ hoạt động trên địa bàn tỉnh cũng như sự xuất hiện các nhà vận tải đa phương thức tại khu vực. Điều này dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn cho Công ty.



Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, bệnh dịch,... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Đơn cử như sự ảnh hưởng lớn đến các hoạt động thương mại khi dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19 gây ra những tác động đến lĩnh vực vận tải container bằng đường biển và các chuỗi logistics, khiến hàng hóa bị mắc kẹt và thiệt hại đang gia tăng. Một khi dịch bệnh không được kiểm soát chặt chẽ sẽ làm gián đoạn các chuỗi cung ứng toàn cầu và khiến nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động. Các hoạt động thông quan cũng vì vậy mà bị chậm trễ. Nếu nguy cơ xảy ra tại Việt Nam sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến Công ty trong ngành cảng biển. Do đó, Công ty luôn chủ động để phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch, thực hiện các biện pháp phòng tránh bệnh theo khuyến cáo của Bộ Y tế nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.



Cảng Cam Ranh

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

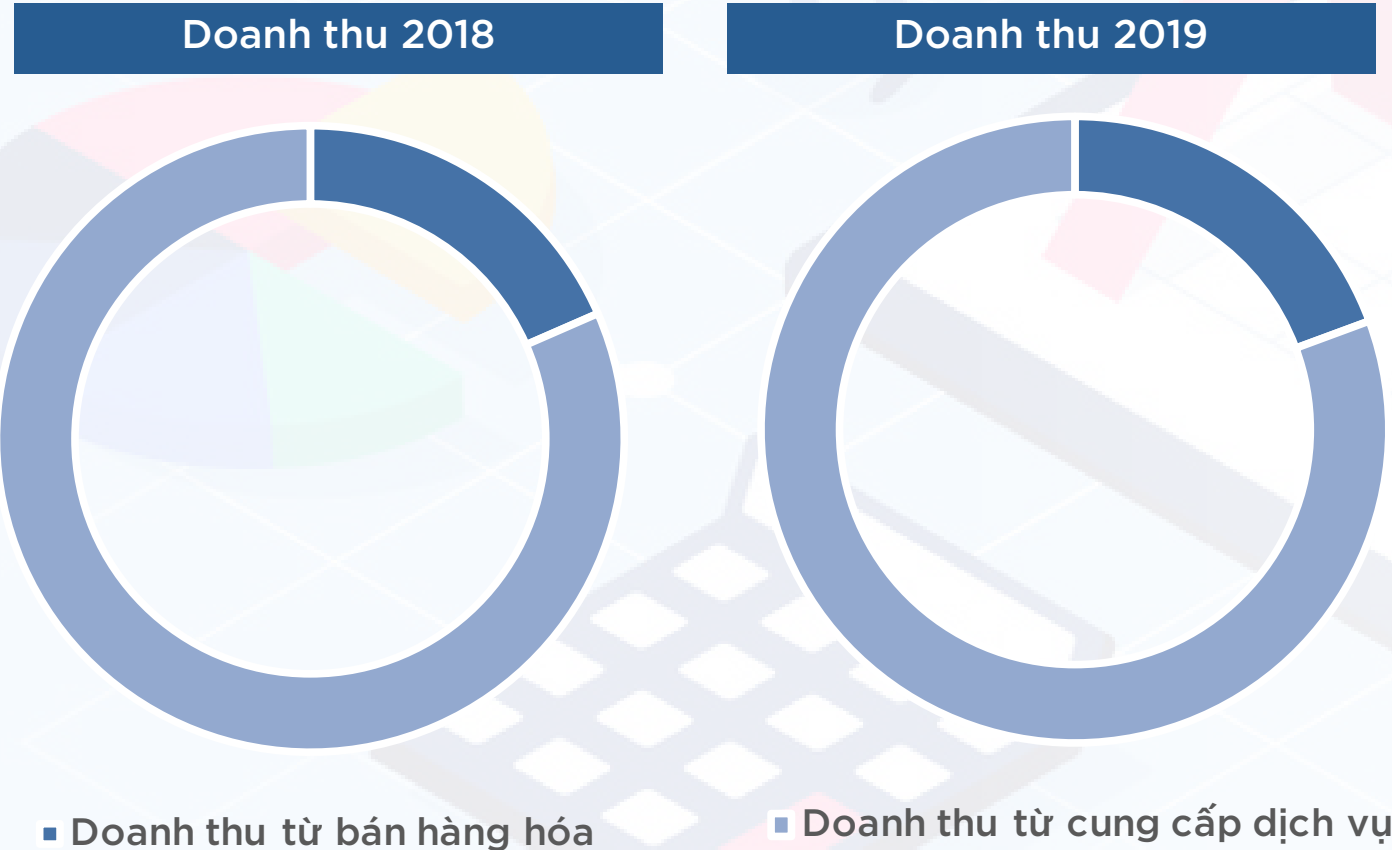
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	%TH2019/ KH2019	%TH2019/ TH2018
Sản lượng (tấn)	2.470.311	2.503.800	2.972.957	119%	120%
Doanh thu thuần	159.550	160.000	159.962	100%	100%
Lợi nhuận từ HĐKD	19.370	20.690	30.116	146%	155%
Lợi nhuận khác	152	50	(225)	-450%	-148%
Lợi nhuận trước thuế	19.522	20.740	29.891	144%	153%
Lợi nhuận sau thuế	15.565	16.500	22.484	136%	144%
Tỉ lệ cổ tức	4,0%	4,5%	5,0%	111%	125%

Tiếp nối theo một năm 2018 thành công của Cảng Cam Ranh, ở năm 2019, tình hình thị trường hàng hóa đúng theo dự kiến kế hoạch, sản lượng tăng trưởng vượt cả sự kỳ vọng:

Mặt hàng thiết bị đạt kế hoạch, tính đến cuối năm 2019 thực hiện cho 3 dự án hàng thiết bị. Mặt hàng này tuy khối lượng xếp dỡ không lớn, nhưng có doanh thu và tỷ suất lợi nhuận trên đơn vị rất cao, đem lại kết quả lợi nhuận tăng đột biến cho Cảng Cam Ranh. Mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu qua cảng tăng so với năm 2018, cũng với lượng khách hàng dăm gỗ như cũ, nhưng lượng hàng và tần suất xuất hàng tăng. Mặt hàng đá xây dựng xuất khẩu tăng mạnh so với dự kiến kế hoạch từ đầu năm, tăng gấp đôi kế hoạch đề ra. Các mặt hàng khác trong lượng hàng thường xuyên qua cảng vẫn giữ mức ổn định so với trung bình các năm.

Kết thúc năm 2019 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đạt kết quả khả quan với doanh thu thuần đạt hơn 159 tỷ đồng và vượt 4% kế hoạch năm. Hoạt động sản xuất, lưu thông, xuất, nhập hàng hóa tại khu vực ổn định và có tăng trưởng cao hơn 20% so với năm 2018. Các mặt hàng qua cảng có lợi nhuận khai thác cao, đặc biệt ở nhóm hàng rời xuất khẩu và hàng thiết bị cấu kiện nhập khẩu có đơn giá xếp dỡ cao nhưng chi phí nhân công, thiết bị thấp. Điều này làm cho biên lợi nhuận gộp đạt hơn 40%.



Revenue



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Tổ chức và nhân sự của Công ty tính đến ngày 31/12/2019 có tổng cộng lao động là 189 người và được phân loại theo trình độ lao động, hợp đồng lao động và giới tính.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ lao động	189	100%
1	Trình độ trên đại học	2	1,06%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	46	24,34%
3	Trình độ trung cấp, sơ cấp	32	16,93%
4	Công nhân kỹ thuật	33	17,46%
5	Lao động phổ thông	76	40,21%
B	Theo loại hợp đồng lao động	189	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	127	67,20%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	51	26,98%
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	11	5,82%
C	Theo giới tính	189	100%
1	Nam	160	84,66%
2	Nữ	29	15,34%

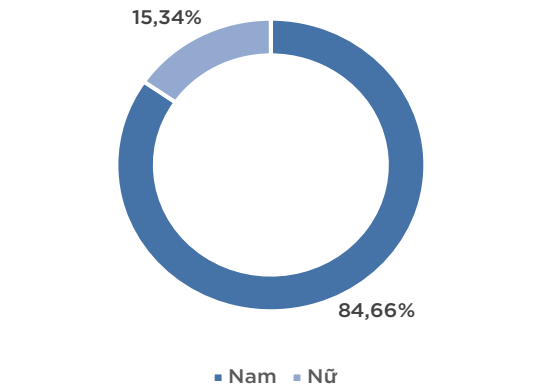


Vì chuyên môn công việc là cung cấp dịch vụ cảng biển trong thời gian dài nên tính chất hoạt động của Cảng Cam Ranh phải làm việc trong môi trường khó khăn, công việc nặng nhọc, cần liên tục. Do đó, lao động là những người yêu cầu có sức khỏe, tháo vát nên tỷ lệ nam giới trong Công ty chiếm phần lớn trong tổng số lao động. Công nhân viên nữ chiếm tỷ trọng nhỏ hơn và chủ yếu làm trong các phòng ban hành chính của Công ty.

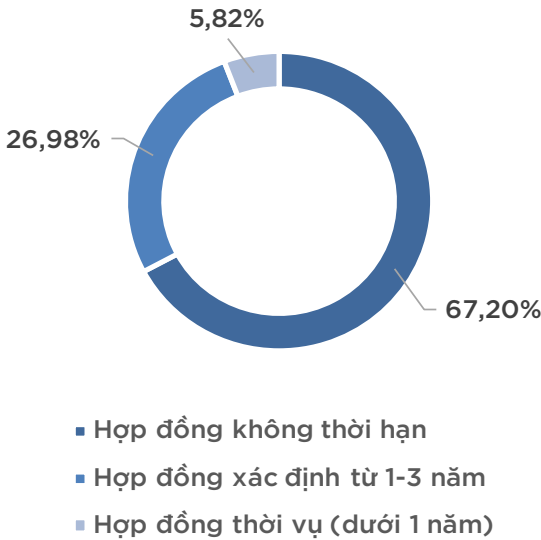
Với quá trình hình thành lâu năm, Công ty đang cố gắng xây dựng đội ngũ lao động ổn định, chất lượng, có kinh nghiệm để có thể hoàn thiện bộ máy quản lý tốt nhất. Do đó số lượng nhân công không thời hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Để đảm bảo sự phù hợp với hoạt động, Công ty hướng đến mục tiêu ổn định nguồn lực và phát triển công ty.

Lao động của Cảng Cam Ranh được chia thành 5 nhóm theo trình độ, trong đó nhóm công nhân lao động phổ thông chiếm tỷ lệ cao nhất là 40%. Bởi vì hoạt động trong ngành cảng, vận chuyển hàng hóa, Công ty cần nhiều lao động có sức khỏe, nhanh nhẹn, đáp ứng được nhu cầu công việc yêu cầu. Có thể thấy cơ cấu lao động của Công ty phù hợp với tính chất hoạt động của chính mình. Lao động có trình độ đại học, cao đẳng và trên đại học chiếm 1/4 tổng số lao động của Công ty, lực lượng cán bộ này không chỉ yêu cầu am hiểu về kỹ thuật, vận hành máy móc thiết bị mà còn có nắm rõ thủ tục hành chính để thực hiện công tác quản lý trực tiếp lẫn gián tiếp.

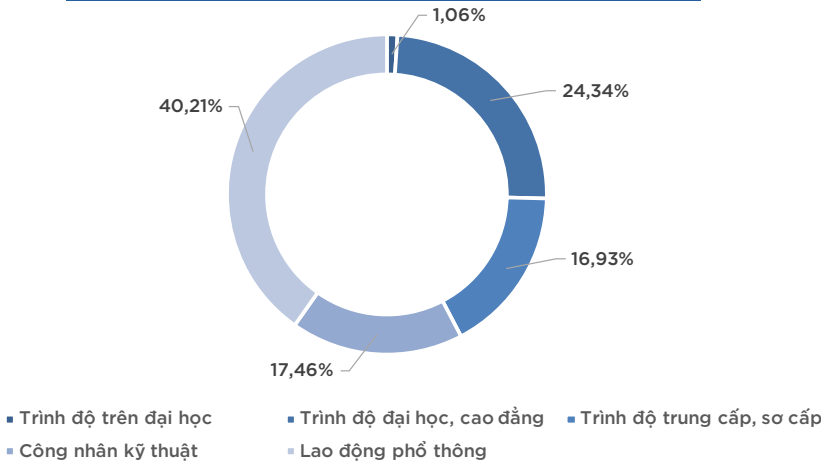
Phân loại theo giới tính



Phân loại theo loại hợp đồng



Phân loại theo trình độ lao động



THU NHẬP BÌNH QUÂN

STT	Năm	Số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2016	202	8.400.000
2	2017	168	8.900.000
3	2018	184	15.300.000
4	2019	189	16.200.000

Công ty rất chú trọng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước. Công ty cũng luôn đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, xây dựng chính sách lương phù hợp với từng người. Năm 2019, thu nhập bình quân/lao động đạt hơn 16 triệu đồng/người/tháng, tăng 5,8% so với năm 2018.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Hữu Tấn	Tổng Giám đốc	4.952.963	20,20 %
2	Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	11.500	0,05%
3	Nguyễn Huy Phương	Kế toán trưởng	20.200	0,08%



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN VIỆT NHÂM
Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh	12/02/1962
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác thủy sản, Cử nhân khoa học ngành QTKD
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	11.400 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	6.125.454 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ
Quá trình công tác	Công tác tại Công ty Vận tải thủy bộ Cam Ranh (11/1985 - 02/1992) Công tác tại Cảng Cam Ranh (04/1992 đến nay)

Ông HOÀNG QUỐC PHƯƠNG
Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh	22/05/1980
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chuyên viên Ban quản lý Cảng biển và Dịch vụ Hàng hải - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	4.386.871 cổ phần, chiếm 17,9% vốn điều lệ
Quá trình công tác	Công tác tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CN Cần Thơ (11/2002 - 05/2012) Công tác tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (05/2012 đến nay)

Ông NGUYỄN ĐĂNG SONG
Thành viên HĐQT



Ngày tháng năm sinh	09/08/1981
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Trưởng ban - Ban Quản lý Cảng biển và dịch vụ Hàng hải Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	4.410.327 cổ phần, chiếm 18% vốn điều lệ
Quá trình công tác	Công tác tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (11/2004 đến nay)

Ông PHẠM HỮU TẤN
Thành viên HĐQT kiêm TGĐ



Ngày tháng năm sinh	01/01/1965
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Khoa học
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	52.600 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	4.900.363 cổ phần, chiếm 20,2% vốn điều lệ
Quá trình công tác	Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô Cam Ranh (từ 1987-1993) Công tác tại Cảng Cam Ranh (từ 1993 đến nay)

Ông NGUYỄN VĂN TÀI
Thành viên HĐQT



Ngày tháng năm sinh	08/05/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển Phú Xuân
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	3.497.102 cổ phần, chiếm 14,27% vốn điều lệ
Quá trình công tác	Cán bộ khảo sát - Công ty tư vấn xây dựng công trình thủy I (từ 1989-2001) Giám đốc Công ty tư vấn & xây dựng Phú Xuân (từ 2001 đến 07/2017) Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển Phú Xuân (từ 08/2017 đến nay)

Ngày tháng năm sinh	08/05/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển Phú Xuân
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	3.497.102 cổ phần, chiếm 14,27% vốn điều lệ
Quá trình công tác	Cán bộ khảo sát - Công ty tư vấn xây dựng công trình thủy I (từ 1989-2001) Giám đốc Công ty tư vấn & xây dựng Phú Xuân (từ 2001 đến 07/2017) Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển Phú Xuân (từ 08/2017 đến nay)



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Bà DƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH Trưởng ban kiểm soát



Ngày tháng năm sinh 05/11/1985

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ kinh tế, tài chính ngân hàng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Số cổ phần cá nhân sở hữu 0 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu 0 cổ phần

Quá trình công tác Cán bộ tư vấn TCTD - Công ty CP chứng khoán Thủ Đô (2007-2009)
Chuyên viên Ban Kế toán - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (2009 đến nay)

Bà NGUYỄN THỊ NGỌC HÒA Kiểm soát viên



Ngày tháng năm sinh 13/04/1979

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế, Kế toán doanh nghiệp

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Nhân viên Trung tâm Kinh doanh-Khai thác tại Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh

Số cổ phần cá nhân sở hữu 19.400 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

Số cổ phần đại diện sở hữu 0 cổ phần

Quá trình công tác Công tác tại Cảng Cam Ranh (09/2000 đến nay)

Bà DƯƠNG THỊ THANH MAI Kiểm soát viên



Ngày tháng năm sinh 28/07/1985

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Cử nhân kế toán, Cử nhân QTKD

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Phó Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh

Số cổ phần cá nhân sở hữu 5.800 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ

Số cổ phần đại diện sở hữu 0 cổ phần

Quá trình công tác Công tác tại Cảng Cam Ranh (09/2006 đến nay)



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông NGUYỄN VĂN THẮNG Phó Tổng giám đốc



Ngày tháng năm sinh	1968
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí; Kỹ sư Xây dựng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	11.500 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Quá trình công tác	Công tác tại Công ty Công trình đô thị Cam Ranh (1990 đến 2000) Công tác tại Cảng Cam Ranh (Từ 2000 đến nay)

Ông PHẠM HỮU TẤN Thành viên HĐQT kiêm TGD



Sơ yếu lý lịch ông Phạm Hữu Tấn vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN HUY PHƯƠNG Kế toán trưởng



Ngày tháng năm sinh	14/04/1963
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính; Cử nhân Khoa học
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần cá nhân sở hữu	20.200 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần
Quá trình công tác	Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Khánh Hòa (7/1987-03/2002) Công tác tại Cảng Cam Ranh (04/2002 đến nay)

STT	Dự án/công trình	Quy mô/ khối lượng Dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Giá trị đầu tư (Tr.đồng)	
					Tổng mức phê duyet đầu tư	Giá trị hoàn thành/ đã giải ngân
I	Đầu tư XD CB				13.300	11.277
1	Mở rộng bến thủy nội địa		12/2017	10/2019	6.000	5.119
2	Nâng cấp đường trục T1 -Giai đoạn 2	736m C4	07/2018	03/2019	7.000	6.15
3	Mở rộng nhà xe , văn phòng		05/2019	06/2019	4.500	4.500
II	Đầu tư mua sắm thiết bị				5.554	4.500
1	Công cụ- thiết bị xếp dỡ				3.954	3.271
2	Bộ ngoại đa chức năng BN3		04/2019	06/2019	125	79
3	Máy điện đàm MF/HF GRG -3150DN		05/2019	05/2019	79	79
4	Gàu ngoại thủy lực 8m3-10m3		09/2019	09/2019	950	836
5	Xe quét - hút rác vệ sinh môi trường		08/2019	12/2019	2.800	2.277
6	Ô tô con		12/2018	01/2019	1.600	1.229

DỰ ÁN BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Dự án này đã hoàn thành nhưng đang gặp khó khăn do Quyết định số 44/2015/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Chính Phủ về đảm bảo an ninh, toàn căn cứ quân sự Cam Ranh. Dự án Kho bãi phía Tây (2,3ha) ngưng triển khai vì khách hàng ngưng ký hợp đồng thuê bãi

DỰ ÁN KHO BÃI PHÍA TÂY

Ngưng triển khai vì khách hàng ngưng ký hợp đồng thuê bãi.

DỰ ÁN PHỐI HỢP VỚI CỤC
HÀNG HẢI VIỆT NAM NẠO
VẾT, DUY TU TUYẾN LUỒNG
HÀNG HẢI BA NGÒI

Dự án này vẫn đang ở bước xin chấp thuận vị trí đổ chất thải nạo vét. Lý do chậm trễ dự án này vì vị trí đổ chất thải nạo vét nằm trong phạm vi ảnh hưởng theo Quyết định số 44/2015/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Chính Phủ về đảm bảo an ninh, toàn căn cứ quân sự Cam Ranh. Đến nay, mọi ý kiến đã được đồng thuận.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ CẦU

Nguồn hàng thông qua cảng chủ yếu là hàng rời như Dăm gỗ, cát đá xuất khẩu (sử dụng cầu tàu); lượng hàng hóa phân bổ hàng tháng cho cầu Liebherr và cầu Gottwald khai thác rất ít, chủ yếu là để duy trì cầu hoạt động nên việc đầu tư cầu đang được tiếp tục nghiên cứu, chờ thêm cơ hội thị trường. Hiện nay, Công ty đang tìm hiểu về khả năng thực hiện dự án của Công ty ICD Cam Ranh để nghiên cứu lựa chọn loại cầu phục vụ cho việc xếp dỡ hàng Container và nghiên cứu thời điểm đầu tư cầu phù hợp (Hiện tại Công ty ICD Cam Ranh đang làm việc với CMIT để đề nghị mở tuyến container bằng sà lan SB với khoảng hơn 100 TEU/ sà lan và dự kiến cuối năm sẽ có chuyến đầu tiên). Vì vậy Công ty chưa triển khai đầu tư cầu và tiếp tục chờ thêm cơ hội thị trường, thời điểm phù hợp để đầu tư cầu chuyên dụng khai thác cảng hoặc cầu chân đế chạy trên ray kết hợp khai thác hàng tổng hợp và container cùng với cầu Gottwald và sẽ đầu tư khi có cơ hội thị trường. Nguồn vốn hiện nay chủ yếu sẽ được tập trung ưu tiên cho Dự án đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi với tổng mức đầu tư dự kiến 58 tỉ, nên việc nghiên cứu đầu tư thêm cầu chân đế chạy trên ray để kết hợp khai thác với cầu Gottwald, có mức đầu tư khoảng 35 tỉ đến 40 tỉ (Liebherr) là không bố trí được vốn.

DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC KHAI THÁC CẦU CẢNG - CẢNG BA NGÒI

Dự án nhóm: C.

Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp I.

Địa điểm thực hiện dự án: Cảng Ba Ngòi, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Cơ quan quyết định đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.

Mục tiêu đầu tư: Đầu tư nâng cấp cầu cảng để tiếp nhận tàu hàng tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải, tàu khách 70.000 GT giải quyết nhằm nâng cao năng lực khai thác cầu cảng của cảng Ba Ngòi.

Nội dung, quy mô đầu tư:

Xây dựng cầu dẫn dài 135m, rộng 15m nối từ bờ ra cầu chính của bến số 2 nhằm nâng cao khả năng vận tải hàng hóa từ cầu cảng vào kho bãi và ngược lại, giảm ách tắc, nâng cao hiệu quả khai thác bến số 1 và bến số 2.

Xây dựng trụ neo thay thế phao neo hiện hữu để neo buộc tàu 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải ở tuyến bến phía ngoài (vị trí trụ neo nằm tại phân đoạn 4 của bến số 2 theo quy hoạch là một phần của phân đoạn này).

Kiểm định, nâng cấp bến số 1 để tiếp nhận tàu trọng tải đến 50.000 DWT giảm tải tại tuyến bến phía ngoài.

Kiểm định, nâng cấp bến số 2 để tiếp nhận tàu hàng trọng tải đến 70.000 DWT giảm tải và tàu khách 70.000 GT cập tại tuyến bến phía ngoài và tàu trọng tải đến 7.000 DWT cập tại tuyến bến phía trong (hiện nay đang cập tàu 3.000 DWT).

Nạo vét khu nước, vũng quay tàu đảm bảo cho tàu 30.000 ÷ 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải neo đậu phía ngoài, tàu 7.000 DWT neo đậu tuyến bến phía trong của bến số 2.

Di dời 01 phao báo hiệu khu nước No2 để xây dựng cầu dẫn và nạo vét khu nước neo đậu tàu 7.000 DWT.



Luồng hàng hải Ba Ngòi

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KHOẢN PHẢI THU

Từ năm 2018, các khoản phải thu đã tăng 14,85% bởi đơn đặt hàng vận chuyển dầm gỗ cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Khánh Hưng và vận chuyển đá của Công ty TNHH Đá Hóa An 1. Hiện tại, các Công ty nêu trên đang dần trả các khoản nợ cho Cảng Cam Ranh. Ngoài ra, các khoản trả trước cho các đối tác cung cấp các công cụ, thiết bị, các dịch vụ phụ trợ khác cũng được Công ty quản lý chặt chẽ. Vòng quay khoản phải thu vẫn không có nhiều sự biến động quá lớn. Tuy nhiên, Công ty vẫn còn những khoản thu quá hạn thanh toán phần lớn đến từ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa và các khách hàng cá nhân nhỏ lẻ khác.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng/giảm
Phải thu khách hàng	13.149	11.543	-12,21%
Trả trước cho người bán	2.483	224	-90,98%
Các khoản phải thu khác	783	500	-36,11%
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-977	-982	0,56%
Tổng cộng	15.437	11.285	-26,90%

KHOẢN PHẢI TRẢ

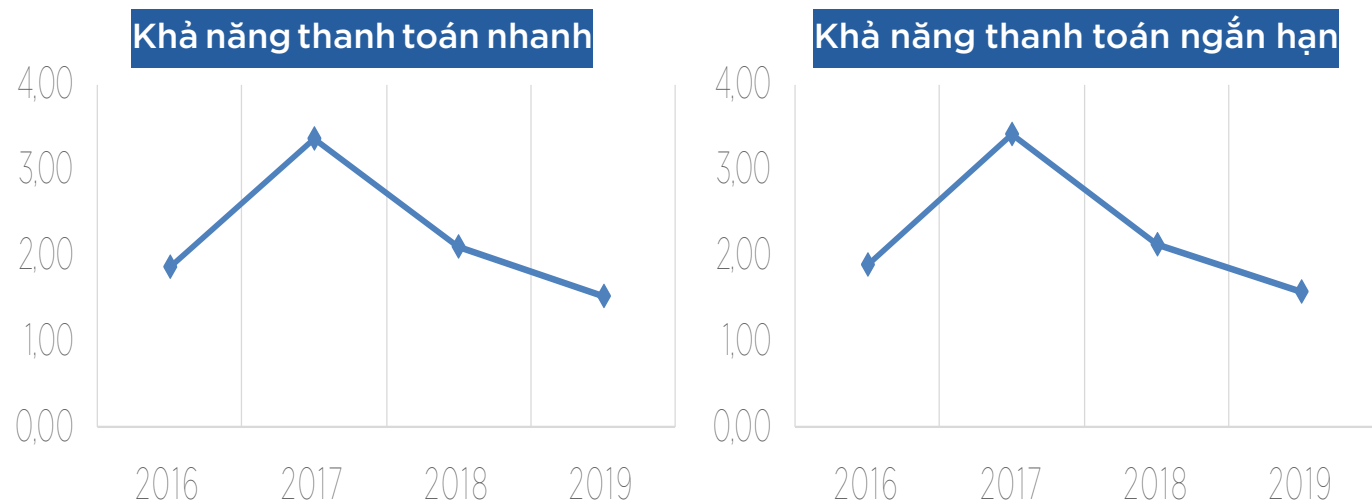
Thấy rõ trong năm vừa qua, nợ ngắn hạn không có nhiều chuyển biến ở những chỉ tiêu quan trọng. Khoản tiền đến từ người mua trả tiền trước giảm mạnh bởi vì trong năm 2018, Cảng Cam Ranh có hợp đồng lưu trữ và vận chuyển lô hàng điện gió siêu trường, siêu trọng nên khoản mục này cao đột biến và Công ty đã thực hiện xong hợp đồng vận chuyển này vào tháng 04/2019. Công ty cũng chi trả nhiều cho người lao động có thành tích, vượt năng suất, vượt định mức cũng như chăm lo cho đời sống công nhân khi Công ty có kết quả hoạt động tốt trong năm. Điều này được thể hiện qua thông qua Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng 170,09% - tương đương 1,2 tỷ đồng. Công ty vẫn tiếp tục sử dụng lãi vay ngắn hạn lẫn dài hạn đến từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Nha Trang với lãi suất bình quân 9,5%/năm. Nhu cầu về vốn dài hạn của Công ty thường tương đối lớn để đầu tư vào các dự án đang triển khai cũng như chuẩn bị thực hiện trong giai đoạn tới như nâng cấp mở rộng cơ sở hạ tầng như hệ thống đường, điện, kho bãi theo nhu cầu của khách hàng: Alumina, than, dăm gỗ, đá XD... và các thiết bị phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty.

Đơn vị tính: Triệu đồng

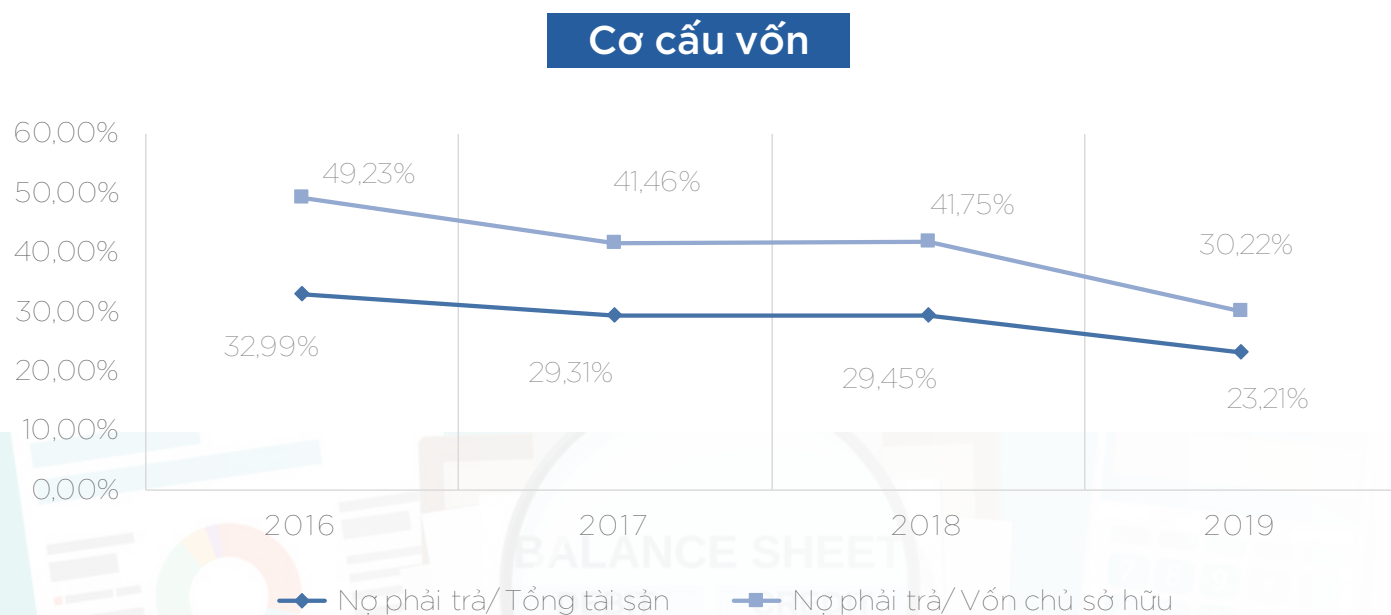
Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	29.261	29.864	2,06%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.000	8.000	33,33%
Phải trả người bán	1.119	1.554	38,85%
Người mua trả tiền trước	648	16	-97,56%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.513	915	-63,58%
Phải trả người lao động	12.615	13.472	6,97%
Chi phí phải trả	75	120	-60,00%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.408	2.408	0 %
Các khoản phải trả phải nộp khác	79	315	298,38%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.100	2.000	-35,48%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	703	1.900	170,09%
Nợ dài hạn	82.197	53.789	-34,56%
Vay và nợ dài hạn	72.000	46.000	-36,11%
Doanh thu chưa thực hiện	10.197	7.789	-23,62%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

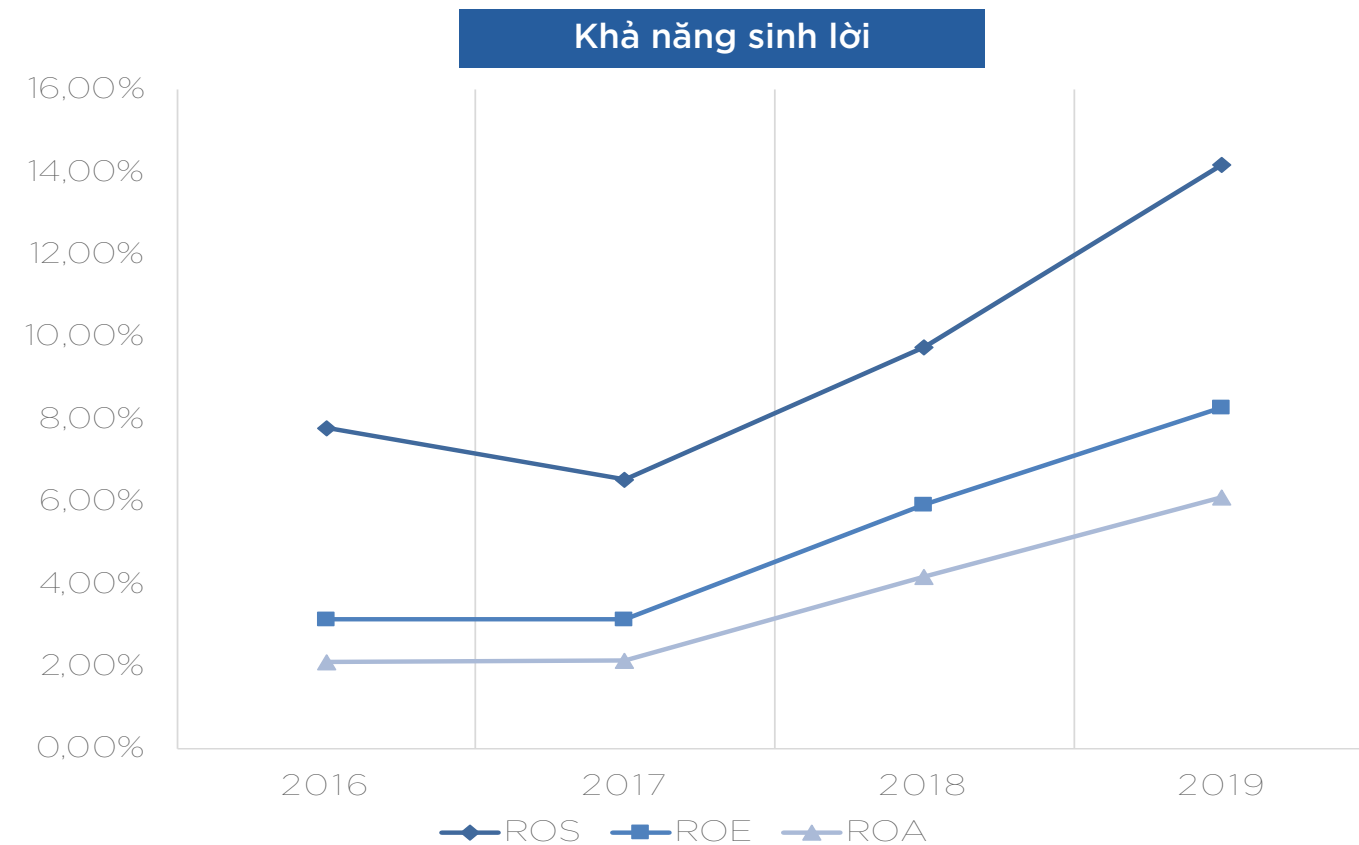
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,13	1,57
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,09	1,54
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	29,45%	23,47%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	41,75%	30,66%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	115,70	92,65
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,43	0,43
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,76%	14,06%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,91%	8,29%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,18%	6,09%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	12,14%	18,84%



Cuối năm 2019, Công ty tăng tăng cường trả nợ vay dài hạn, trả trước hạn theo kế hoạch kế ước nhằm giảm thiểu chi phí lãi vay, giảm gánh nặng tài chính cho Công ty. Do đó, khoản mục tiền và tương đương tiền giảm 23% so với cùng kỳ năm 2018. Điều này làm cho cả 2 hệ số thanh toán đều giảm mạnh trong năm 2019. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn duy trì hệ số thanh toán ở mức an toàn để phòng rủi ro thanh toán, duy trì một lượng tiền mặt vừa đủ để tài trợ các hoạt động chi thường xuyên mà vẫn đảm bảo dòng vốn được khai thác hiệu quả.



Trong khi tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty không có sự thay đổi đáng kể thì nợ phải trả cuối kỳ lại giảm mạnh so với năm 2018 làm cho hệ số nợ giảm. Lãnh đạo Công ty đang dần thu xếp dòng tiền để chi trả dần các khoản vay tài chính cộng thêm mặt bằng lãi suất trong năm có xu hướng giảm nhẹ. Do đó, nợ vay tài chính dài hạn của Công ty ở thời điểm cuối năm còn lại 46 tỷ đồng, giảm hơn 36% so với cùng kỳ, chi phí lãi vay trong năm 2019 cũng giảm hơn 12% so với năm 2018.



Doanh thu năm 2019 duy trì ở mức hơn 159 tỷ, tăng không đáng kể so với cùng kỳ nhưng với việc khai thác các hàng hóa qua cảng có chi phí khai thác thấp, giá vốn giảm mạnh kéo theo biên lợi nhuận gộp cải thiện rõ rệt trong 02 năm gần đây. Các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi vay đều không có thay đổi lớn nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều có mức tăng ấn tượng.



Năng lực hoạt động

Hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, CCR cung cấp các dịch vụ bốc hàng, vận tải và hỗ trợ vận tải đường thủy khác. Do vậy hàng tồn kho chủ yếu là các tài sản như công cụ dụng cụ mang tính chất hỗ trợ sửa chữa, bảo trì, vệ sinh phương tiện vận tải, bến bãi. Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho chiếm tỉ trọng khá thấp và đã giảm thêm trong năm 2019, Công ty hạn chế các hoạt động dịch vụ chưa hiệu quả để duy trì tốt việc sử dụng tài sản trong việc chuyên môn hóa hoạt động kinh doanh chính, mang lại những hiệu quả tuy nhỏ nhưng cũng đáng chú ý trong năm. Tại thời điểm cuối năm, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và không phát sinh dự phòng giảm giá.

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

(Tính đến 31/12/2019)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	213	24.453.617	244.536.170.000	99,80%
1	Cổ đông nhà nước	1	19.823.015	198.230.150.000	80,90%
2	Cổ đông tổ chức	1	3.497.102	34.971.020.000	14,27%
3	Cổ đông cá nhân	211	1.133.500	11.335.000.000	4,63%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
1	Cá nhân	0	0	0	0%
2	Tổ chức	0	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	1	48.200	482.000.000	0,20%
Tổng cộng		214	24.501.817	245.018.170.000	100%

Là một doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước nên cổ đông nhà nước lớn nhất chính là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV (Vinalines) - nắm giữ vốn góp chi phối hơn 80% cổ phần. Do đó, hoạt động kinh doanh cũng như huy động vốn chịu sự quản lý của nhà nước. Tỷ trọng còn lại bao gồm cổ đông là tổ chức và cá nhân, ngoài ra Công ty còn có cổ phiếu quỹ. Trong năm 2019, Công ty không thực hiện các hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Hàng năm, Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng về phân tích môi trường như Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường Khánh Hòa. Trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng Khánh Hòa... để lấy mẫu và phân tích các yếu tố môi trường. Sau khi có kết quả phân tích, Công ty lập báo cáo định kỳ năm gửi về Sở Tài nguyên Môi trường, Phòng Cảnh sát Môi trường. Thực hiện đánh giá duy trì Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

Gia hạn hợp đồng với các công ty môi trường như Công ty Cổ phần Công trình đô thị Cam Ranh và Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam để thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt, hàng hóa rơi vãi cũng như thu dọn các chất thải nguy hại tạm thời.

Trong năm qua vẫn còn những sự cố tràn dầu gây ô nhiễm nghiêm trọng, để tránh tình huống xấu này xảy ra cũng như kịp thời xử lý nếu có, Cảng Cam Ranh tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu được sự giám sát của đại diện cảng vụ Hàng hải Nha Trang.

Công ty quan tâm đến an ninh cũng như phòng tránh rủi ro cháy nổ ở kho bãi, trên tàu bằng việc tổ chức công tác diễn tập phòng cháy chữa cháy với sự tham gia của Đội Chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Khu vực 2 Công an tỉnh Khánh Hòa. Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa kỹ thuật định kỳ, kiểm định thường niên đối với các phương tiện thiết bị hỗ trợ vận tải cảng như xe cẩu, tàu kéo, dụng cụ xếp dỡ... tại các cơ sở dịch vụ, nhà máy đóng tàu Nha Trang để đảm bảo an toàn cho thiết bị trong quá trình sản xuất và giảm thiểu tiêu hao năng lượng. Sử dụng hệ thống đèn chiếu sáng đường nội bộ, cầu cảng; thay thế bằng các loại bóng đèn tiết kiệm điện.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động dọn vệ sinh khu vực nội bộ cảng, cơ quan và thu nhặt rác ở các khu vực xung quanh địa bàn hoạt động.



Đoàn giám sát làm việc với CCR về việc thực hiện chính sách, pháp luật về PCCC



CCR thăm hỏi gia đình CBNV mắc bệnh hiểm nghèo



**BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trụ sở Công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khoản mục	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm 2019/2018
Doanh thu thuần	159.550	159.962	0,25%
Giá vốn hàng bán	105.643	95.661	-9,45%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.370	30.117	55,48%
Lợi nhuận khác	152	-226	-248,77%
Lợi nhuận trước thuế	19.522	29.892	5,11%
Lợi nhuận sau thuế	14.974	22.095	47,55%

Doanh thu thuần năm 2019 đạt gần 160 tỷ đồng, tăng không đáng kể so với năm 2018. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế đạt cao so với cùng kỳ, vượt kế hoạch chủ yếu do giảm chi phí sản xuất và do sản lượng vượt quá sản lượng hoà vốn/tháng.

Nguồn hàng khai thác qua cảng năm 2019 đạt 2.972.957 tấn tăng 20% so cùng kỳ 2018 và tăng 18,7% so kế hoạch năm. Nhìn chung tình hình thị trường hàng hóa xuất, nhập qua cảng ổn định và có nhiều khởi sắc, đạt và vượt so với chỉ tiêu, kế hoạch của Công ty đề ra. Trong đó:

Hàng đá xây dựng xuất khẩu

Với sự hỗ trợ tối đa của Cảng về kho bãi, cầu bến, giá dịch vụ... đã giúp khách hàng thuận lợi trong hoạt động xuất khẩu đá xây dựng theo cam kết từ đầu năm. Sản lượng hàng qua cảng đạt 1,2 triệu tấn (đạt 222% so với Kế hoạch).



Hàng dăm gỗ xuất khẩu

Hàng dăm gỗ xuất khẩu đạt 1.165.473 tấn (đạt 101,3% so với Kế hoạch). Nguyên nhân: khảo sát từ các chủ hàng, mặc dù giá thị trường dăm gỗ xuất khẩu có biến động giảm hơn so với cùng kỳ năm trước, nhưng các vùng nguyên liệu rừng trồng đã đến mùa khai thác, dẫn đến các chủ hàng phải đẩy mạnh việc xuất khẩu dăm gỗ.



Hàng thiết bị

Năm 2019, tại khu vực thuộc các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Đắk Lắk chỉ có 02 dự án (Trung Nam - giai đoạn 2 và Đại Phong) triển khai vào các tháng cuối năm 2019. Do vậy sản lượng hàng thiết bị trong năm 2019 giảm hơn so với năm 2018. Trong quý 3, Cảng Cam Ranh đã tiếp nhận, bốc xếp 01 tàu nhập khẩu thiết bị cầu có sức nâng 750 tấn; 01 tàu nhập khẩu thiết bị điện gió của dự án điện gió Trung Nam - Giai đoạn 2. Cả năm thực hiện 73.000 tấn/ 50.000 tấn kế hoạch.



Một số mặt hàng khác

Các mặt hàng khác: Nhựa đường do nhu cầu đầu tư xây dựng, duy tu, sửa chữa đường bộ trong quý 3 cũng không cao. Do vậy, sản lượng hàng nhựa đường nhập khẩu qua cảng cũng đạt rất thấp, 2.301 tấn hàng qua cảng. Hiện tại, Công ty cung ứng nhựa đường đang hoạt động cầm chừng và duy trì sản xuất kinh doanh tại khu vực, chờ phục vụ dự án đường cao tốc Bắc Nam dự kiến triển khai trong năm 2020; Hàng clinke, mật đường, than đá, cá đông lạnh, vật liệu xây dựng xuất nhập ổn định. Riêng mặt hàng xi măng bao giảm mạnh do mất dần lợi thế cạnh tranh về giá so với xi măng rời, và các nhà máy xi măng tại khu vực. Hiện nay, các khách hàng xi măng bao đang dần dịch chuyển lấy mặt hàng này tại các nhà máy xi măng Kim Đình - Ninh Thuận, Nhà máy xi măng Hà Tiên - Cam Ranh, Trạm phân phối xi măng Nghi Sơn - Ninh Hòa do giá rẻ hơn xi măng bao nhập từ các tỉnh phía Bắc vào.

- + Đẩy mạnh công tác thị trường, khách hàng và tích cực hỗ trợ, chăm sóc khách hàng trong các năm qua đã giúp cho hoạt động xuất đá, cát xây dựng qua cảng có hiệu quả.
- + Thực hiện các giải pháp về công nghệ xếp dỡ, chính sách về quản lý chi phí... đã góp phần cho kết quả kinh doanh



Lợi thế về phân hạng quy hoạch: Cảng Cam Ranh được quy hoạch là một trong 17 cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (Loại I) thuộc Nhóm cảng biển Nam Trung Bộ với khu bến cảng tổng hợp, container cho tàu trọng tải từ 30.000 đến 50.000 tấn đáp ứng cho khách hàng có tàu tải trọng lớn.

Lợi thế về vị trí: Cảng Cam Ranh có vị trí địa lý, điều kiện địa hình của một cảng nước sâu; có quỹ đất được quy hoạch thích hợp (69 ha) để xây dựng dịch vụ hậu cần sau cảng; kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông quốc gia (cách QL1A khoảng 2km; có tuyến đường sắt cũ có thể khôi phục nối liền với tuyến đường sắt quốc gia; cách sân bay quốc tế 18km), thuận lợi cho việc xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng logistics hiện đại.

Lợi thế về điều hành khai thác: Cảng Cam Ranh là thương cảng có từ trước 1975, doanh nghiệp có bề dày hoạt động nên đội ngũ quản lý và công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm, được đào tạo bài bản.



Thiếu nguồn hàng: khu vực chân hàng của cảng Cam Ranh không có các khu công nghiệp lớn, hạ tầng kinh tế địa phương và khu vực Nam trung bộ kém phát triển so với các trung tâm kinh tế của cả nước, do vậy nhu cầu và sản lượng hàng hóa xuất nhập qua cảng còn hạn chế, không ổn định và không đa dạng.

Hạn chế về Nhà cung cấp: các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ (cung cấp các phương tiện vận chuyển thực hiện logistics; cung cấp nhân công xếp dỡ; cung cấp điện nước,...) trên địa bàn hoặc khu vực lân cận thiếu và yếu, ít chuyên nghiệp, thường gây áp lực bằng nhiều hình thức như tăng giá đầu vào, giảm giá đầu ra.

Hạn chế về năng lực hạ tầng và trang thiết bị: cầu cảng đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, nhưng thiếu đồng bộ. Phương tiện xếp dỡ tại cầu cảng và tại bãi vừa thiếu lại lạc hậu, luồng vào cảng với độ sâu luồng công bố hiện nay chỉ đáp ứng tiếp nhận loại 30.000 DWT đẩy tải vào cảng.

Cảng Cam Ranh nằm trong khu vực hạn chế của khu quân sự Cam Ranh (Quyết định Số: 44/2015/QĐ-TTg) nên khó thu hút được những nhà đầu tư nước ngoài, khách hàng có sản lượng lớn.

Cạnh tranh từ các dịch vụ thay thế: Ngoài phương án vận chuyển hàng hóa bằng đường biển còn có vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt nên tùy theo giá thành dịch vụ, thời gian thực hiện mà khách hàng có thể chọn các phương án vận chuyển khác nhau.



Theo quy hoạch của tỉnh Khánh Hòa thì Cam Ranh thuộc khu trọng điểm kinh tế phía Nam để phát triển các khu công nghiệp và dịch vụ. Hy vọng với sự hỗ trợ của địa phương cùng với công tác thị trường của cảng được đẩy mạnh thì hàng hóa thông qua cảng sẽ giữ vững sự ổn định và tăng.

Nằm gần khu vực có các mỏ đá trữ lượng lớn để khai thác đá xây dựng xuất khẩu; gần các khu quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời.



Thách thức về thị trường cạnh tranh: Môi trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt với sự xuất hiện ngày càng nhiều của các doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng, cũng như xuất hiện các nhà vận tải đa phương thức tại khu vực.

Thách thức về thị trường hàng hóa: Tại khu vực không có khu công nghiệp, khu chế xuất lớn, hàng hóa chủ yếu là hàng nông - lâm - thủy sản, khoáng sản và số ít là hàng công nghiệp nhẹ được xuất, nhập thô. Do vậy không có chân hàng ổn định. Việc tìm kiếm nguồn hàng mới, giữ ổn định khách hàng cũ, duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh là thách thức hàng đầu.

Thách thức về năng lực tiếp nhận, khai thác tàu: hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị: Chỉ có 01 bến tàu 5 vạn tấn và 01 bến tàu 3 vạn tấn, nhưng tuyến luồng chưa được nạo vét đồng bộ; năng lực, phương tiện xếp dỡ hiện nay còn thiếu và yếu, năng suất xếp dỡ còn thấp, chưa khai thác được những hàng hóa thiết bị có trọng lượng lớn, do vậy, Cảng Cam Ranh phải có Chiến lược phát triển đầu tư hạ tầng kỹ thuật, phương tiện thiết bị, nguồn nhân lực để nâng cao khả năng cạnh tranh với những cảng trong khu vực.

Nguồn tích lũy để đầu tư phát triển: Nguồn lực tài chính của công ty hạn chế nên công ty chỉ đầu tư các dự án khi có nhu cầu từ khách hàng, các dự án đầu tư kho bãi thực hiện nhỏ lẻ nên suất đầu tư cao hơn khi thực hiện đầu tư đồng bộ; Nguồn vốn đầu tư của công ty đa số là dùng vào các dự án đầu tư kho bãi, cầu bến, hạ tầng kỹ thuật, công cụ dụng cụ; chưa đầu tư vào phương tiện xếp dỡ tại cầu cảng và tại bãi; chưa đầu tư trang thiết bị theo khoa học công nghệ tiên tiến.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

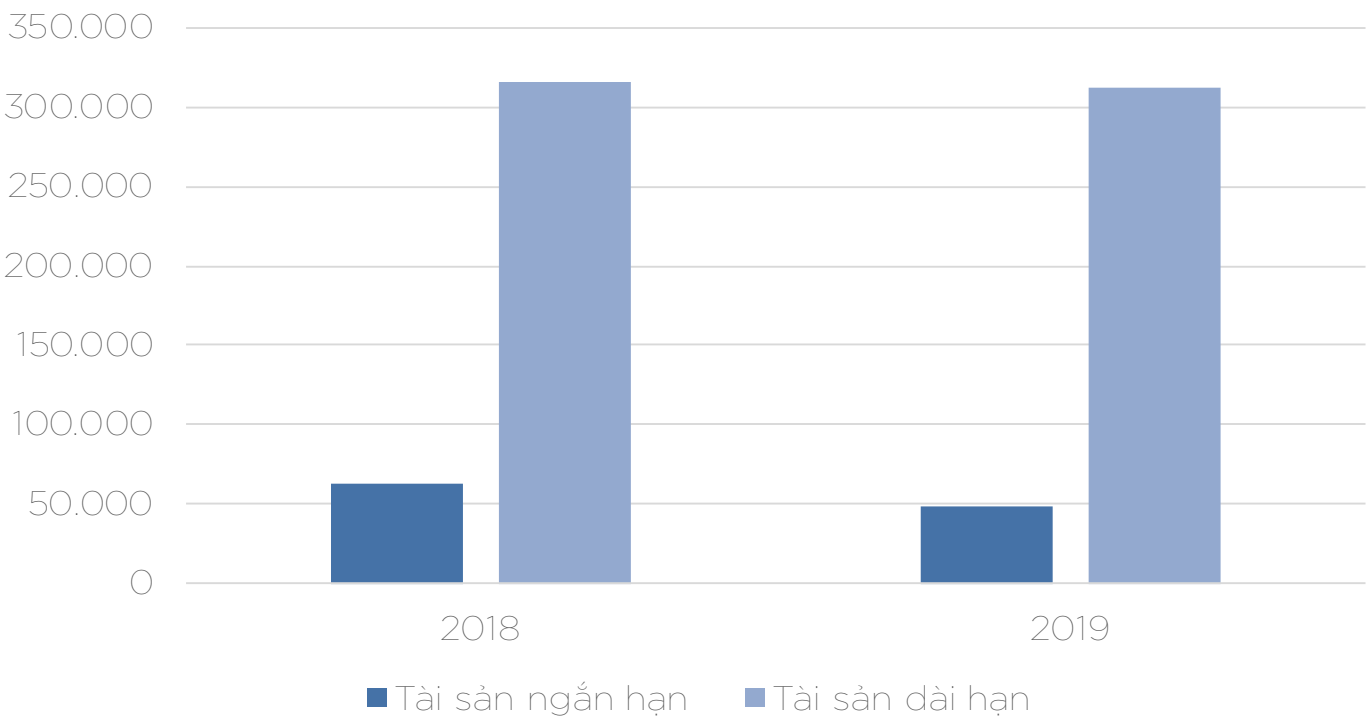
Tình hình tài sản

Tài sản Công ty tập trung hầu hết cũng như duy trì ổn định tỷ trọng lớn ở tài sản dài hạn bởi đặc thù của các doanh nghiệp ngành cảng biển. Tổng quan, tài sản của Công ty giảm trong đó tài sản ngắn hạn giảm 14 tỷ đồng và tài sản dài hạn giảm 4 tỷ đồng trong năm 2019. Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu ở khoản mục tiền hơn 10 tỷ đồng, nguyên nhân là do trong năm Công ty cần chi trả để đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị, chi thường xuyên nhiều hơn phục vụ cho các dự án nâng cấp hệ thống bến cảng. Giá trị máy móc thiết bị được mua mới tăng lên từ việc đầu tư này nhưng chịu khoản chi phí khấu hao lớn hơn 18 tỷ đồng trong năm nên đã làm giá trị tổng tài sản giảm trong năm 2019.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng 2018	Giá trị	Tỷ trọng 2019	
Tài sản ngắn hạn	62.349	16,48%	48.149	13,37%	-22,78%
Tài sản dài hạn	316.074	83,52%	312.331	86,63%	-1,33%
Tổng tài sản	378.424	100%	360.480	100%	-4,86%

Tình hình tài sản qua các năm



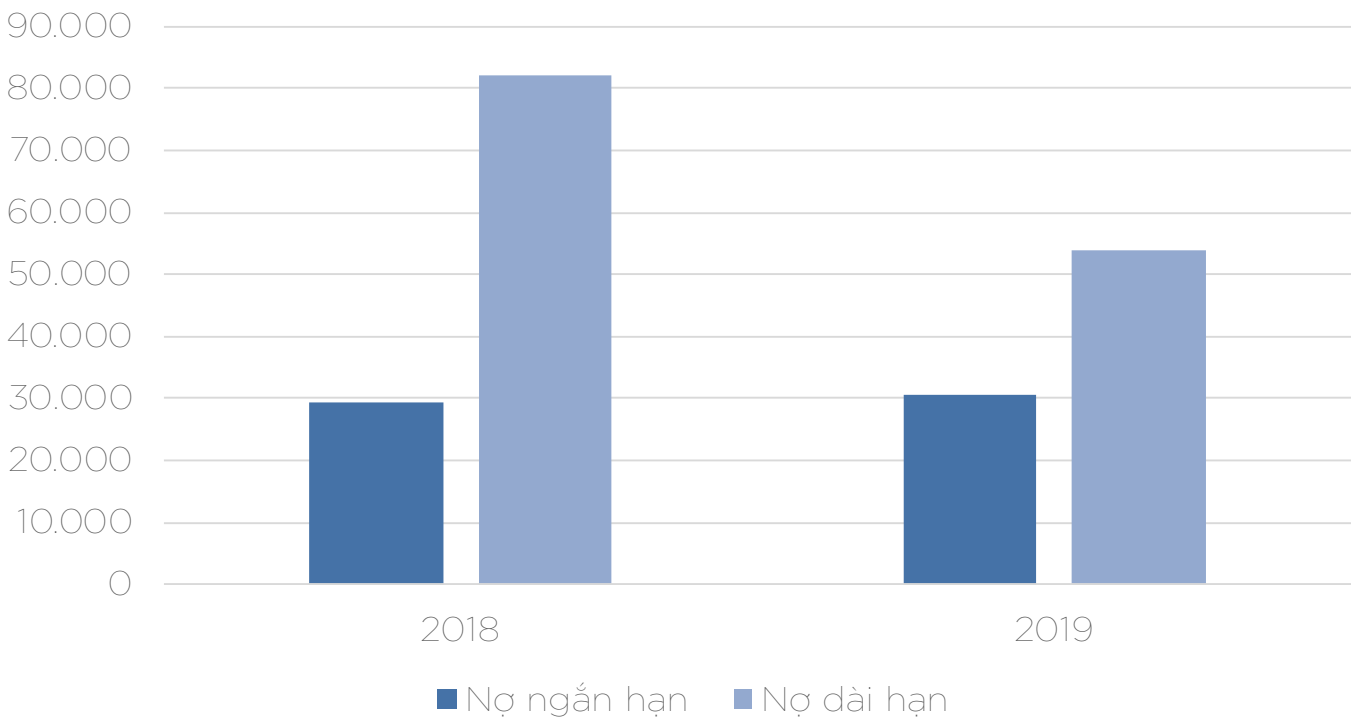
Tình hình nợ

Nếu như tổng nợ cuối kỳ năm 2018 tăng nhẹ so với năm 2017 thì ngược lại ở năm 2019, tổng nợ phải trả giảm một cách rõ rệt. Khoản nợ ngắn hạn tăng không đáng kể, cơ cấu nợ ngắn hạn ở các khoản mục hầu như tương tự với 2018 ngoại trừ việc Công ty có tăng lương, thưởng, phụ cấp cho công nhân viên, đặc biệt là những công nhân làm việc vượt định mức yêu cầu. Công ty vẫn cần đến nguồn tài trợ dài hạn đến từ vốn vay ngân hàng nhưng luôn thu xếp dòng tiền để trả nợ đúng hạn trong năm. Khoản nợ vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả đến thời điểm cuối năm 2019 còn lại 54 tỷ đồng, giảm hơn 31% so với năm trước.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng 2018	Giá trị	Tỷ trọng 2019	
Nợ ngắn hạn	29.261	26,25%	30.700	35,70%	4,91%
Nợ dài hạn	82.197	73,75%	53.789	64,30%	-34,56%
Tổng nợ phải trả	111.458	100,00%	84.489	100,00%	-24,19%

Tình hình nợ phải trả qua các năm



Về chiến lược kinh doanh

Đẩy mạnh phát triển mở rộng thị trường, khách hàng mới trên cơ sở giữ vững thị trường và khách hàng hiện có. Trong năm có nhiều khách hàng mới ký kết hợp đồng xuất, nhập hàng qua cảng như: Công ty TNHH TMDV Vận tải Minh Hoàng, Xí nghiệp Khai thác Đá Phú Tài, Công ty TNHH TMDV & Sản xuất Thủy Hải, Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh, Công ty TNHH Mariso Việt Nam...

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật (đầu tư hệ thống điện, nước, đường giao thông nội bộ), đầu tư thiết bị môi trường thu gom cát, đá chuyên dụng; đầu tư công cụ xếp dỡ, cải tiến quy trình, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn trong xếp dỡ hàng hóa.

Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực của toàn công ty, nhất là bộ phận kinh doanh, marketing; đào tạo nâng cao tay nghề của đội ngũ kỹ thuật và công nhân trong hoạt động khai thác những mặt hàng mới.

Hợp tác với ICD Cam Ranh để khôi phục tuyến container nội địa.

Chuẩn hóa công tác quản trị sản xuất để nâng cao chất lượng dịch vụ và năng suất lao động như: Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ; triển khai áp dụng hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPIs), xem xét áp dụng phần mềm quản lý khai thác cảng biển.

Sản phẩm mới, thị trường mới

Mặt hàng thiết bị điện gió của các dự án mới được triển khai tại khu vực; mặt hàng thiết bị xe cầu được nhập khẩu, mặt hàng muối rời nhập khẩu, xỉ than xuất, nhập nội địa.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Mục tiêu phát triển

Giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện có, tránh rơi vào tình trạng suy giảm năng lực cạnh tranh, thu hẹp thị phần.

Đẩy mạnh công tác thị trường nhằm thu hút thêm khách hàng mới

Tăng nguồn thu cải thiện lợi nhuận, tiết giảm chi phí hướng đến mục tiêu chung là duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của Cảng.

Cải thiện năng suất lao động, đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và quản lý.

Thị trường và khách hàng mục tiêu

Thị trường chủ yếu vẫn là chân hàng quanh khu vực Nam Trung Bộ với các mặt hàng đá, khoáng sản, hàng rời, dăm gỗ xuất khẩu.

Khách hàng mục tiêu là nhóm khách hàng có chân hàng xuất ổn định và cơ sở hạ tầng đầu tư bền vững, lâu dài.

Chỉ tiêu kế hoạch 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh
1	Sản lượng	Tấn	2.972.957	3.050.000	103%
2	Doanh thu và thu nhập khác hợp nhất	Tr.đồng	162.695	170.600	105%
3	Doanh thu và thu nhập khác Công ty mẹ	Tr.đồng	158.076	160.600	102%
4	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tr.đồng	29.892	30.500	102%
5	Lợi nhuận Công ty mẹ	Tr.đồng	29.305	30.000	102%

Cơ sở xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

Căn cứ vào công tác điều tra thị trường, tình hình kế hoạch hàng hóa của các chủ hàng thông qua cảng năm 2020, căn cứ vào mức độ cạnh tranh của các cảng trong khu vực và đặc điểm tình hình phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương và khu vực

Kết quả thực hiện kinh doanh năm 2019: tăng trưởng về mặt sản lượng là do mặt hàng dăm gỗ và đá xuất khẩu tăng (nguyên nhân đã nêu tại điểm 1.2.1, mục III); tăng trưởng đột biến về mặt lợi nhuận là do hàng thiết bị phong điện (4 dự án)

Khảo sát, phân tích và dự báo thị trường cho năm 2020, nhu cầu thực tiễn của chủ hàng đã và sắp ký hợp đồng khai thác hàng qua cảng

Các khách hàng mục tiêu tiếp tục là các khách hàng lớn của cảng với mặt hàng chủ lực là dăm gỗ, cát, đá, xi măng và các Tập đoàn lớn mà Tổng công ty đã ký kết các thỏa thuận hợp tác như Tập đoàn Than và Khoáng sản với các dự án than, alumin; với Tập đoàn thép, Tập đoàn xi măng; Tập đoàn Điện lực Việt Nam với các dự án năng lượng, thiết bị.

Đánh giá sự phù hợp của chỉ tiêu với thị trường, dự địa phát triển của doanh nghiệp

Các chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng qua khảo sát thực tế thị trường và tiếp cận trực tiếp khách hàng, trong đó đặc biệt quan tâm là các khách hàng lớn thuộc nhóm hàng xuất nhập khẩu, đồng thời phân tích dự kiến các ảnh hưởng từ chính sách vĩ mô của nhà nước và các chính sách hỗ trợ hoặc hạn chế liên quan của địa phương.

Tổng sản lượng kế hoạch 2020 trên 3 triệu tấn, chủ yếu là hàng rời, khả năng tiếp nhận lượng hàng và tàu như thế này đều nằm tầm dự địa phát triển của doanh nghiệp về công suất thiết kế cầu bến đến khả năng thiết bị, nhân công để bảo đảm năng suất khai thác hàng.

Nguyên nhân tăng/giảm (Phân tích nguồn hàng)

Về đá xây dựng các loại dự kiến năm 2020 các chủ hàng hiện tại tiếp tục xuất khẩu, đã có thêm chủ hàng mới làm việc với Cảng nên dự kiến sản lượng hàng sẽ tăng.

Về mặt hàng dăm gỗ: các chủ hàng của khu vực Quy Nhơn tạm thời đưa tàu vào Cảng Cam Ranh để làm hàng sẽ quay về Cảng Quy Nhơn do không còn trở ngại về luồng tàu. Bên cạnh đó, Cảng Nam Vân Phong (gần vùng nguyên liệu từ Daklak xuống) sẽ đưa vào hoạt động đầu 2020 cũng ảnh hưởng tới thị phần của Cảng Cam Ranh. Vì vậy dự kiến sản lượng hàng dăm gỗ cho năm 2020 sẽ giảm.

Về nhóm Máy móc, thiết bị: Các dự án phong điện, nhiệt điện cho Ninh Thuận, Bình Thuận đã nhập cấp tập trong năm 2018 và 2019 (7 dự án), khảo sát năm 2020 chỉ 1 dự án, mặt khác năm 2020 sẽ bị ảnh hưởng cạnh tranh của cảng tổng hợp Vĩnh Tân (Bình Thuận).

Về các nhóm hàng khác (Cá đông lạnh, Thạch cao, Nhựa đường...): Cá đông lạnh và nhựa đường có chiều hướng tăng trưởng (dự án cao tốc Bắc Nam chuẩn bị triển khai trong năm 2020), tuy nhiên thạch cao có khuynh hướng giảm. Nhóm này có sản lượng không cao.

Các mặt hàng xuất nội địa như: Muối, Cát trắng, Cát/đá xây dựng xuất ổn định, trong đó cát/đá xây dựng cung cấp cho nội địa tăng cao vì khu vực này hiện đang có nhu cầu cao trong xây dựng cơ sở hạ tầng. Riêng sản lượng cát trắng xuất vào thị trường TP Hồ Chí Minh cung cấp cho các nhà máy thủy tinh trong năm 2019 và sẽ giữ ổn định tiếp tục trong năm 2020.

Các mặt hàng nhập nội địa: Trong năm 2019, sản lượng Cement bao giảm, dự kiến trong năm 2020 các đơn vị sẽ thay thế bằng cement rời tại chỗ (các dự án xi lô) với chi phí thấp nên sản lượng kế hoạch giảm.

Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch

Thực tiễn tình hình thị trường hàng hóa tại khu vực vùng hấp dẫn của cảng (Nam Trung Bộ và Tây Nguyên) không có sự đột biến, nhưng lại có sự cạnh tranh quyết liệt giữa các cảng trong khu vực, do vậy Cảng Cam Ranh cần phân tích giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại doanh nghiệp:

Giải pháp về hợp tác

Tăng cường mối quan hệ, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Tổng công ty để tăng năng lực và sức cạnh tranh của công ty.

Thực hiện chiến lược phát triển dịch vụ chuỗi trên cơ sở kết nối các lĩnh vực vận tải biển – cảng biển – dịch vụ hàng hải.

Giải pháp về chính sách khách hàng

Tập trung hơn nữa vào giải pháp khách hàng, linh hoạt trong chính sách với khách hàng (chính sách về giá, thủ tục nhanh gọn hiệu quả...).

Đột phá trong chính sách khách hàng (chính sách giá linh động, công tác chăm sóc và hỗ trợ khách hàng về thủ tục đảm bảo nhanh, gọn, hiệu quả...), xây dựng chiến lược phát triển thị trường, khách hàng, dịch vụ, sản phẩm.

Giải pháp về thị trường, sản xuất kinh doanh

Dành sự ưu tiên hàng đầu cho công tác thị trường và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Mở rộng thêm các loại hình dịch vụ mới, thành lập Trung tâm dịch vụ Hàng hải tại khu vực mà UBND tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt.

Tối ưu các nguồn lực hiện hữu để gia tăng nguồn thu cải thiện lợi nhuận.

Đưa ra các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí để đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.

Giải pháp về tài chính, đầu tư

Nhóm giải pháp về vốn:
Phân bổ nguồn lực để đầu tư phát triển đảm bảo hiệu quả và tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch dài hạn về tăng tích lũy từ nội bộ Cảng Cam Ranh. Biến các lợi thế vị trí thương mại, đất đai sở hữu thành nguồn lực tài chính làm đối trọng trong liên doanh liên kết kêu gọi hợp tác vốn đầu tư.

Các giải pháp quản trị tài chính:
Tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa lượng vốn bị chiếm dụng. Hoàn thiện công tác quản trị tài chính, tăng cường chức năng giám sát tài chính của Công ty.

Giải pháp khác

Giải pháp về quản trị đổi mới doanh nghiệp.

Giải pháp về công nghệ thông tin.

Giải pháp về nguồn nhân lực.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Vấn đề môi trường

Mức tiêu thụ năng lượng trong năm qua được Công ty sử dụng một cách hiệu quả và tiết kiệm. Với mức sử dụng năng lượng như trên là hợp lý đối với đặc thù ngành, nghề kinh doanh tại Công ty vốn phải sử dụng chi phí nhiều cho nhiên liệu hoạt động các máy móc thiết bị vận chuyển. Ngoài ra, Công ty còn tuyên truyền rộng rãi về ý thức sử dụng tiết kiệm điện năng, nước, nhiên liệu... trong Công ty nhằm tiết giảm chi phí không đáng có, không phung phí góp một phần nhỏ trong việc bảo vệ môi trường tại cơ sở làm việc cũng như với địa phương.



Trách nhiệm xã hội

Với vị thế là một doanh nghiệp có sức hấp dẫn thu hút tại địa bàn, chính sách của Công ty là luôn tuyển dụng lao động tại địa phương, qua đó cung cấp cơ hội việc làm cho cộng đồng tại địa bàn mà Công ty đang hoạt động.

Công ty khuyến khích sử dụng các nhà cung cấp địa phương, đặc biệt là cung ứng các dịch vụ xếp dỡ bằng nhân công hoặc thiết bị máy móc, dịch vụ vận chuyển. Tổng chi phí dịch vụ thuê ngoài đang sử dụng của Công ty hầu hết từ nguồn cung cấp tại địa phương.

Công ty là một trong những doanh nghiệp có sự cam kết và liên tục thực hiện các hoạt động đóng góp cho chương trình nhân đạo, xã hội từ thiện, xóa đói giảm nghèo của địa phương.



Thăm hỏi CBNV mắc bệnh hiểm nghèo



Tặng quà cho đồng bào nghèo



Chính sách đào tạo cho CBCNV năm 2019

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV đạt trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc.

Tại Cảng Cam Ranh, tất cả CBCNV đều có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc; theo kế hoạch đào tạo, phát triển hàng năm; Công ty cũng khuyến khích và tạo điều kiện CBCNV chủ động đề xuất tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn trong công việc và được Công ty hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí.

Hiện tại, công ty có các hình thức đào tạo: đào tạo tại chỗ; Cử CBCNV tham dự các hội nghị, hội thảo bên ngoài; Cử CBCNV đi học tại các trường, các cơ sở, trung tâm đào tạo có uy tín bên ngoài.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu đào tạo từ các phòng, trung tâm và bám sát vào chiến lược phát triển của công ty, công ty lên kế hoạch học tập, đào tạo. Năm 2019, công ty đã tổ chức đào tạo với các khóa đào tạo như: đào tạo công tác An toàn, vệ sinh lao động; phòng, chống cháy, nổ; đào tạo đội ngũ lái cầu; tổ chức các khóa đào tạo về Văn hóa doanh nghiệp; ác khóa đào tạo về xây dựng/ hoàn thiện hệ thống quản lý

Có thể thấy, song song với việc cử CBCNV đào tạo ngoài, công ty chú trọng tới công tác đào tạo nội bộ, ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng những buổi đào tạo nội bộ này tạo ra sự gắn kết CBCNV trong công ty.



Chính sách lương thưởng, phúc lợi cho CBCNV

Chính sách về lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động luôn được công ty quan tâm, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo mức thu nhập của người lao động được ổn định, đời sống tinh thần của người lao động được nâng cao.

Công ty đã triển khai áp dụng chính sách trả lương mới cho người lao động, đặc biệt trong việc thực hiện trả lương thời gian theo phương pháp 3Ps (phương pháp trả lương dựa vào vị trí công việc, năng lực, kết quả công việc) góp phần phát huy tính năng động, sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công việc. Đồng thời đảm bảo tính công bằng trong chính sách trả lương của công ty đối với người lao động.

Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, công ty sẽ thưởng cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết; thưởng năng suất, thưởng định mức. Ngoài ra công ty cũng có chính sách phù hợp được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động của công ty đảm bảo có việc làm 100% trong năm, ổn định thu nhập cho người lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động: tất cả người lao động của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng các loại bảo hiểm xã hội theo quy định; được đi tham quan trong và ngoài nước; được quan tâm hỗ trợ kịp thời khi bản thân và gia đình gặp khó khăn;...





Tàu chở cánh quạt gió

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

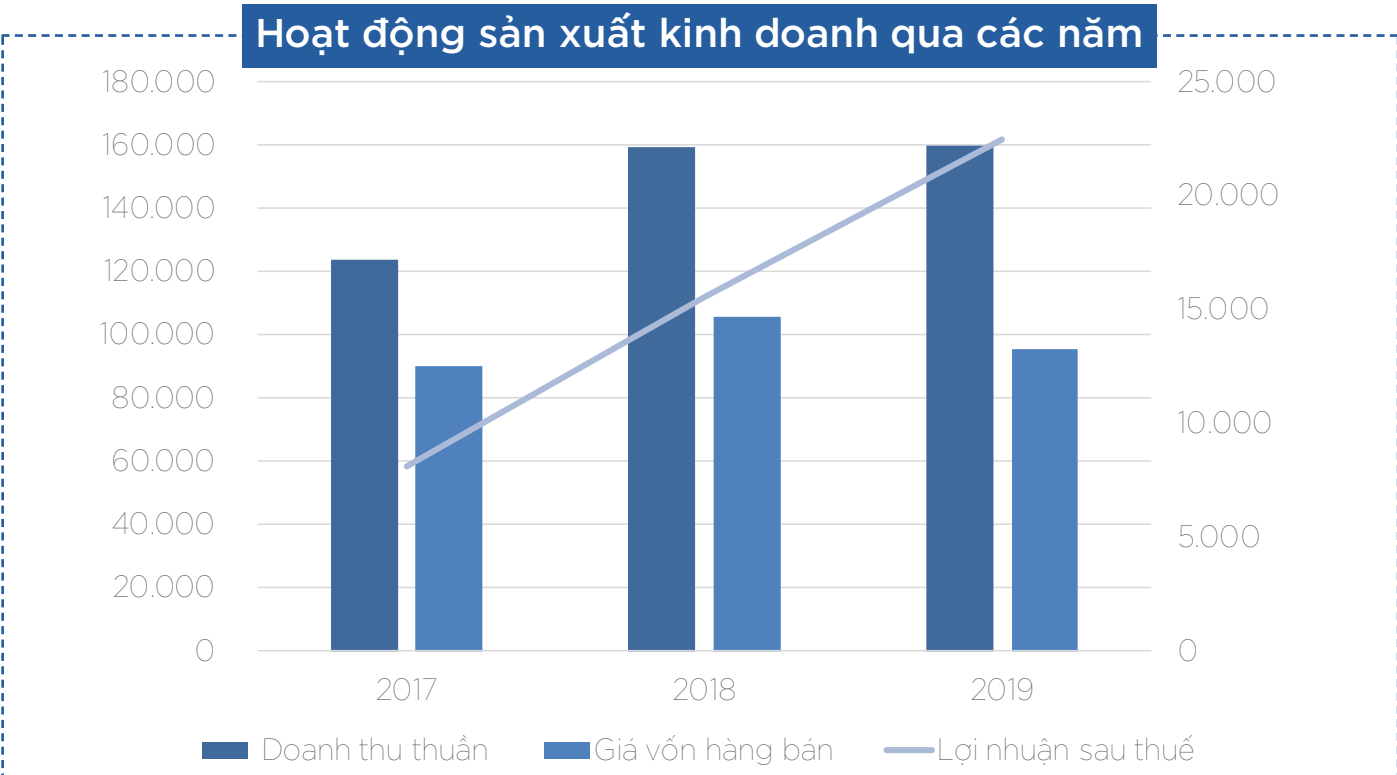
(Tính đến 31/12/2019)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu/đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Việt Nhâm	Chủ tịch	6.136.854	25,05%
2	Ông Hoàng Quốc Phương	Thành viên	4.386.871	17,90%
3	Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	4.410.327	18,00%
4	Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên	3.497.102	14,27%
5	Ông Phạm Hữu Tấn	Thành viên	4.952.963	20,20%



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2019 là một năm đầy tích cực trong ngành Logistic cũng như ngành cảng biển khi Việt Nam tham gia các hiệp định FTA và việc đã áp dụng khung giá dịch vụ cảng biển mới với nhu cầu vận chuyển ngày một tăng. Hơn nữa, các nhà sản xuất lớn có nhà máy đặt tại Trung Quốc gặp khó khăn ở các tuyến vận tải Mỹ - Trung, vì thế việc vận tải sẽ chuyển dịch sang các tuyến khác hoặc buộc các doanh nghiệp này phải chuyển nhà máy đặt tại các nước Đông Nam Á như Việt Nam. Tận dụng cơ hội đó, Cảng Cam Ranh đã tập trung thực hiện các giải pháp về thị trường, giữ vững thị trường hiện có, phát triển thêm các khách hàng mới.



Tổng kết năm 2019, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đã mang lại dấu hiệu tích cực. Mức doanh thu giữ ổn định trong khi các chi phí nhìn chung được giảm, tạo nên mức lợi nhuận tăng trưởng, các công việc được hoàn thành theo đúng định hướng mà ĐHĐCĐ đặt ra. Sản lượng hàng thông qua cảng Cam Ranh phá kỷ lục gần 3 triệu tấn trong khi ở năm 2018 sản lượng từng được xem là kỷ lục khi đạt 2,47 triệu tấn. Để có được kết quả đó,

Hội đồng quản trị đã định hướng chiến lược rõ ràng đối với kế hoạch hoạt động trong năm và không ngừng triển khai phương án quản trị như quản lý kỹ thuật, quản lý nhân công, mua sắm máy móc thiết bị,... đều được thực hiện nhất quán, có hệ thống. Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo thực hiện kịp thời, hỗ trợ và giải quyết nhanh chóng những vấn đề chưa giải quyết ở 2018 đồng thời thúc đẩy chuyên môn hóa năng lực kinh doanh cho cả Công ty. Đây chính là động lực để Cảng Cam Ranh tiếp tục nâng cao các giá trị của mình trong năm tiếp theo.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm qua, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2019 đề ra. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và theo dõi sát tình hình từ công tác nội bộ đến công tác đối ngoại, từ đó, đề xuất nhiều vấn đề, phương hướng quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp để hạn chế những bất lợi của tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2019.

Ban Điều hành Cảng Cam Ranh cũng đã nỗ lực, chủ động ng- hiên cứu, xây dựng và triển khai nhiều giải pháp trong điều kiện tn- guồn lực của Cảng Cam Ranh còn hạn chế để từng bước ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước sự cạnh tranh ngày càng gia tăng và diễn biến khó lường của tình hình thị trường; đồng thời chuyên môn hóa các ngành chính của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả, tăng lợi nhuận và đem đến lợi ích cho các cổ đông.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục tiêu phát triển

Giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện có, tránh rơi vào tình trạng suy giảm năng lực cạnh tranh, thu hẹp thị phần. Đẩy mạnh công tác thị trường nhằm thu hút thêm khách hàng mới.

Tăng nguồn thu cải thiện lợi nhuận, tiết giảm chi phí hướng đến mục tiêu chung là duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của Cảng.

Cải thiện năng suất lao động, đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và quản lý.

Thị trường và khách hàng

Thị trường chủ yếu vẫn là chân hàng quanh khu vực Nam Trung Bộ và một phần Nam Tây Nguyên với các mặt hàng đá, khoáng sản, hàng rời, dăm gỗ xuất khẩu.

Khách hàng mục tiêu là nhóm khách hàng có chân hàng xuất ổn định và cơ sở hạ tầng đầu tư bền vững, lâu dài.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2019	KH năm 2020	So sánh
1	Sản lượng	Tấn	2.972.957	3.050.000	103%
2	Doanh thu và thu nhập khác hợp nhất	Tr.đồng	162.695	170.600	105%
3	Doanh thu và thu nhập khác Công ty mẹ	Tr.đồng	158.076	160.600	102%
4	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tr.đồng	29.892	30.500	102%
5	Lợi nhuận Công ty mẹ	Tr.đồng	29.305	30.000	102%

Cơ sở xây dựng kế hoạch

Căn cứ vào công tác điều tra thị trường, tình hình kế hoạch hàng hóa của các chủ hàng thông qua cảng năm 2020, căn cứ vào mức độ cạnh tranh của các cảng trong khu vực và đặc điểm tình hình phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương và khu vực.

Kết quả thực hiện kinh doanh năm 2019: tăng trưởng về mặt sản lượng là do mặt hàng dăm gỗ và đá xuất khẩu tăng (nguyên nhân đã nêu tại điểm 1.2.1, mục III); tăng trưởng đột biến về mặt lợi nhuận là do hàng thiết bị phong điện (4 dự án).

Khảo sát, phân tích và dự báo thị trường cho năm 2020, nhu cầu thực tiễn của chủ hàng đã và sắp ký hợp đồng khai thác hàng qua cảng.

Nguyên nhân tăng/giảm

Về đá xây dựng các loại dự kiến năm 2020 các chủ hàng hiện tại tiếp tục xuất khẩu, đã có thêm chủ hàng mới làm việc với Cảng nên dự kiến sản lượng hàng sẽ tăng.

Về mặt hàng dăm gỗ: các chủ hàng của khu vực Quy Nhơn tạm thời đưa tàu vào Cảng Cam Ranh để làm hàng sẽ quay về Cảng Quy Nhơn do không còn trở ngại về luồng tàu. Bên cạnh đó, Cảng Nam Vân Phong (gần vùng nguyên liệu từ Daklak xuống) sẽ đưa vào hoạt động đầu 2020 cũng ảnh hưởng tới thị phần của Cảng Cam Ranh. Vì vậy dự kiến sản lượng hàng dăm gỗ cho năm 2020 sẽ giảm.

Các mặt hàng xuất nội địa như: muối, cát trắng, cát/đá xây dựng xuất ổn định, trong đó cát/đá xây dựng cung cấp cho nội địa tăng cao vì khu vực này hiện đang có nhu cầu cao trong xây dựng cơ sở hạ tầng. Riêng sản lượng cát trắng xuất vào thị trường TP Hồ Chí Minh cung cấp cho các nhà máy thủy tinh trong năm 2019 và sẽ giữ ổn định tiếp tục trong năm 2020.

Các mặt hàng nhập nội địa: Trong năm 2019, sản lượng Cement bao giảm, dự kiến trong năm 2020 các đơn vị sẽ thay thế bằng cement rời tại chỗ (các dự án xi lô) với chi phí thấp nên sản lượng kế hoạch giảm.



Kho bãi

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức năm (05) phiên họp trực tiếp và có chín (09) kỳ lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản. Tại các kỳ họp và các kỳ lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị đã ban hành mười chín (19) Nghị quyết và mười sáu (16) Quyết định để triển khai thực hiện công tác quản lý tổ chức điều hành của Công ty.

Tính đến 31/12/2019

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu/đại diện	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Viết Nhâm	Chủ tịch	6.136.854	25,05%	100%
2	Hoàng Quốc Phương	Thành viên	4.386.871	17,90%	100%
3	Nguyễn Đăng Song	Thành viên	4.410.327	18,00%	100%
4	Nguyễn Văn Tài	Thành viên	3.497.102	14,27%	100%
5	Phạm Hữu Tấn	Thành viên	4.952.963	20,41%	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT / QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	56/2019/NQ-CCR.HĐQT	10-01-2019	Điều chỉnh phương án sắp xếp cơ cấu tổ chức giai đoạn 2 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh
2	57/2019/NQ-CCR.HĐQT	26-01-2019	Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 và ban hành Quy chế tổ chức quản lý, điều hành của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh
3	58/2019/NQ-CCR.HĐQT	26-02-2019	Thông nhất tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
4	59/2019/NQ-CCR.HĐQT	05-03-2019	Phê duyệt giá khởi điểm để chào bán đấu giá phần vốn đầu tư của Cảng Cam Ranh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải ô tô Cam Ranh
5	60/2019/NQ-CCR.HĐQT	19-03-2019	Trích lập Quỹ dự phòng từ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của Cảng Cam Ranh
6	61/2019/NQ-CCR.HĐQT	19-03-2019	Thông qua Danh sách giới thiệu nguồn nhân sự Quy hoạch cán bộ giai đoạn 2019-2021 và giai đoạn 2021-2026 của Cảng Cam Ranh để lấy phiếu trước Hội nghị cán bộ chủ chốt
7	62/2019/NQ-CCR.HĐQT	22-03-2019	Thông qua Danh sách giới thiệu nguồn nhân sự Quy hoạch cán bộ giai đoạn 2019-2021 và giai đoạn 2021-2026 của Cảng Cam Ranh để trình cấp trên phê duyệt

8	63/2019/NQ-CCR.HĐQT	11-04-2019	Thông nhất thông qua nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
9	64/2019/NQ-CCR.HĐQT	11-04-2019	Phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của Cảng Cam Ranh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải ô tô Cam Ranh
10	65/2019/NQ-CCR.HĐQT	23-05-2019	Phê duyệt thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô Cam Ranh do Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh sở hữu
11	66/2019/NQ-CCR.HĐQT	07-06-2019	Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019
12	67/2019/NQ-CCR.HĐQT	10-06-2019	Chấm dứt làm người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh
13	67a/2019/NQ-CCR.HĐQT	27-06-2019	Hoàn nhập Quỹ dự phòng được trích lập từ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018
14	68/2019/NQ-CCR.HĐQT	01-07-2019	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Chấp thuận biểu quyết bổ nhiệm ông Huỳnh Phúc Huy giữ chức Phó giám đốc Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh
15	69/2019/NQ-CCR.HĐQT	12-07-2019	Phê duyệt danh sách Quy hoạch CB giai đoạn (2019-2021) và (2021-2026); Ngưng triển khai DA Kho bãi phía Tây; Sửa chữa cầu GW; Báo cáo định kỳ cho HĐQT; Mua sắm phần mềm khai thác hàng tổng hợp; DA nạo vét duy tu tuyến luồng, DA 13ha.
16	70/2019/NQ-CCR.HĐQT	08-10-2019	Thông nhất thông qua nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
17	71/2019/NQ-CCR.HĐQT	20-11-2019	Phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của CCR tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải ô tô Cam Ranh
18	72/2019/NQ-CCR.HĐQT	25-11-2019	Phê duyệt thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô Cam Ranh do Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh sở hữu
19	73/2019/NQ-CCR.HĐQT	20-12-2019	Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát (BKS) Công ty có ba (03) thành viên được ĐHĐCĐ bầu chọn, hoạt động với nhiệm kỳ năm (05) năm. Trong đó Kiểm soát viên trưởng là thành viên độc lập, còn lại hai (02) là thành viên tham gia điều hành.

(Tính đến 31/12/2019)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban	25/06/2015	0	100%
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Ủy viên	21/04/2016	0,08 %	100%
3	Bà Dương Thị Thanh Mai	Ủy viên	21/04/2016	0,02 %	100%

Tại kỳ họp và làm việc tháng 3/2019, BKS đã thực hiện việc giám sát việc quản lý điều hành, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư năm 2018 của Cảng Cam Ranh.

Tại kỳ họp tháng 10/2019, BKS đã thống nhất việc phân công giữa các thành viên Ban Kiểm soát để làm cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát 06 tháng đầu năm 2019

Hoạt động với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết để góp phần tăng hiệu quả hoạt động. Giám sát Hội đồng quản trị trong việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2019 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Hoạt động với Ban Tổng giám đốc

Giám sát việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ thường niên và Hội đồng quản trị đã đề ra, các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và các Quyết định Hội đồng quản trị đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện. Ban kiểm soát thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế, theo dõi việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước trong các mặt hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và không có hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ.

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Lương	Thưởng	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
Hội đồng quản trị				
Ông Nguyễn Viết Nhâm	553.268.502	34.458.000	0	0
Ông Hoàng Quốc Phương		27.566.000	0	0
Ông Nguyễn Đăng Song	27.000.000	27.566.000	0	0
Ông Nguyễn Văn Tài	27.000.000	27.566.000	0	0
Ban kiểm soát				
Bà Dương Thị Hồng Hạnh		24.121.000	0	0
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	240.285.496	10.530.000	0	0
Bà Dương Thị Thanh Mai	316.859.404	8.400.000	0	0
Ban điều hành				
Ông Phạm Hữu Tấn	557.201.502	34.458.000	0	0
Ông Nguyễn Văn Thắng	477.274.502	24.121.000	0	0
Ông Nguyễn Huy Phương	444.135.502	25.269.000	0	0

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

HĐQT và BKS cử người tham dự đầy đủ các buổi họp giao ban của Công ty để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng đơn vị cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh, vướng mắc trong quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho HĐQT, BKS được thực hiện thường xuyên và đầy đủ bằng văn bản, điện thoại, email về tình hình hoạt động của Công ty để phục vụ kịp thời cho công việc giám sát của HĐQT, BKS đối với Tổng giám đốc.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

Tháng 2 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Viết Nhâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên
Ông Phạm Hữu Tấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Phương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên
Bà Dương Thị Thanh Mai	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phạm Hữu Tấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Huy Phương.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Số: 39 /2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần tại ngày 25/03/2019.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 666-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.148.923.193	62.349.388.137
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	35.751.336.394	45.823.488.827
Tiền	111		9.629.766.002	6.164.265.407
Các khoản tương đương tiền	112		26.121.570.392	39.659.223.420
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.285.242.175	15.437.490.216
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.543.351.921	13.148.855.316
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	224.000.000	2.482.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	500.296.297	783.072.143
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(982.406.043)	(976.937.243)
Hàng tồn kho	140	10	1.012.257.242	1.050.716.722
Hàng tồn kho	141		1.012.257.242	1.050.716.722
Tài sản ngắn hạn khác	150		100.087.382	37.692.372
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	100.087.382	37.692.372
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		311.872.794.649	316.074.188.552
Các khoản phải thu dài hạn	210		891.300.000	1.084.876.000
Phải thu dài hạn khác	216	6	891.300.000	1.084.876.000
Tài sản cố định	220		308.978.495.661	311.482.892.588
Tài sản cố định hữu hình	221	12	308.978.495.661	311.482.892.588
- Nguyên giá	222		521.211.969.870	506.587.054.721
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(212.233.474.209)	(195.104.162.133)
Tài sản dở dang dài hạn	240	11	-	800.953.183
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	800.953.183
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.170.000.000	1.670.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.170.000.000	1.670.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		832.998.988	1.035.466.781
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	386.525.174	106.135.708
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		446.473.814	929.331.073
TỔNG TÀI SẢN	270		360.021.717.842	378.423.576.689

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		84.488.747.734	111.458.020.957
Nợ ngắn hạn	310		30.700.147.734	29.261.020.957
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.554.379.950	1.119.426.825
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.778.553	647.927.316
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	915.323.038	2.512.936.188
Phải trả người lao động	314		13.471.570.997	12.614.898.018
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	120.000.000	75.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	2.408.400.000	2.408.400.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	315.000.000	79.070.240
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	8.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	2.000.000.000	3.100.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.899.695.196	703.362.370
Nợ dài hạn	330		53.788.600.000	82.197.000.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	7.788.600.000	10.197.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	46.000.000.000	72.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275.532.970.108	266.965.555.732
Vốn chủ sở hữu	410	21	275.532.970.108	266.965.555.732
Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		275.419.340	-
Cổ phiếu quỹ	415		(482.000.000)	(482.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.737.835.099	2.477.231.411
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.736.664.925	15.576.661.228
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.641.960.025	602.365.471
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.094.704.900	14.974.295.757
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.246.880.744	4.375.493.093
TỔNG NGUỒN VỐN	440		360.021.717.842	378.423.576.689

Cam Ranh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Tấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	159.872.648.275	159.549.618.762
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		159.872.648.275	159.549.618.762
Giá vốn hàng bán	11	24	95.571.795.421	105.642.724.763
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.300.852.854	53.906.893.999
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.050.184.672	1.698.587.061
Chi phí tài chính	22	26	7.023.386.198	7.997.058.333
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.019.369.445	7.997.058.333
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	29	527.474.007	304.994.065
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	28.682.863.083	27.933.294.758
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.117.314.238	19.370.133.904
Thu nhập khác	31	27	683.340.700	355.203.273
Chi phí khác	32	28	909.103.941	203.447.076
Lợi nhuận khác	40		(225.763.241)	151.756.197
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.891.550.997	19.521.890.101
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	6.924.714.255	4.886.406.306
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		482.857.259	(929.331.073)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.483.979.483	15.564.814.868
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		22.094.704.900	14.974.295.757
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		389.274.583	590.519.111
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	904	469
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	904	469

Cam Ranh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Nguyễn Tú Anh



Nguyễn Huy Phương



Phạm Hữu Tấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	29.891.550.997	19.521.890.101
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18.586.645.241	17.141.554.371
Các khoản dự phòng	03	5.468.800	3.253.366.919
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.016.753	(30.772.909)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(2.361.616.798)	(1.667.814.152)
Chi phí lãi vay	06	7.019.369.445	7.997.058.333
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	53.145.434.438	46.215.282.663
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.565.062.559	(5.340.012.235)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	38.459.480	(275.232.877)
Tăng, giảm các khoản phải trả không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN	11	(2.827.618.278)	18.258.723.465
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(342.784.476)	3.540.826.528
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.019.369.445)	(7.997.058.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.513.822.028)	(3.913.599.761)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	34.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.527.160.281)	(1.747.444.467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.518.201.969	48.775.484.983
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.644.534.693)	(21.491.493.182)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	702.727.272	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	500.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.048.541.772	1.657.046.926
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.393.265.649)	(19.834.446.256)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(tiếp theo)

Chỉ tiêu		Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(198.000.000)
Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.000.000.000)	(14.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.193.072.000)	(6.495.677.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.193.072.000)	(20.693.677.350)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10.068.135.680)	8.247.361.377
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	45.823.488.827	37.545.354.541
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.016.753)	30.772.909
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	35.751.336.394	45.823.488.827

Cam Ranh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Hồ Nguyễn Tú Anh


Nguyễn Huy Phương


Phạm Hữu Tấn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 245.018.170.000 đồng, được chia thành 24.501.817 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở của Công ty đặt tại Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 187 người (tại ngày 31/12/2018 là 185 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Kinh doanh dịch vụ Logistic; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế, hải quan;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và sửa chữa động cơ khác);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Chế biến dăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến dăm gỗ;
- Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.4 CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN**

Tại thời điểm lập Báo cáo, Công ty có sở hữu 01 Công ty con:

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, cho thuê xe có động cơ, cung ứng lao động tạm thời, dịch vụ hàng hải, cung cấp dịch vụ neo đậu tàu	51%

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 – Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào đơn vị khác được Công ty trích lập như sau và có thể được hoàn nhập:

- Nếu khoản đầu tư được niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá thị trường của khoản đầu tư
- Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị được đầu tư.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 39
- Máy móc, thiết bị	04 - 13
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 09
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỮ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng tạo ra các khoản chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 (ba mươi sáu) tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 (ba mươi sáu) tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 120 tháng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ.

3.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian .. năm/tháng. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.12 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua công cụ nợ, chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ, số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống mà công ty ghi nhận theo và các khoản khác. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản Công ty.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.15 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cam Ranh được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17% - áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 – theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.16 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty chỉ tổ chức sản xuất kinh doanh tại một địa điểm cụ thể và cung cấp một loại dịch vụ/sản phẩm nên Công ty không thực hiện lập Báo cáo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.625.802.305	394.791.535
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.003.963.697	5.769.473.872
Các khoản tương đương tiền	26.121.570.392	39.659.223.420
	35.751.336.394	45.823.488.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	11.543.351.921	(982.406.043)	13.148.855.316	(976.937.243)
- Công ty Cổ phần tiếp vận Khánh Hưng	-	-	3.237.240.000	-
- Công ty TNHH Đá Hóa An 1	2.823.235.150	-	1.138.420.552	-
- Công ty TNHH Thương mại và vận tải Minh Hoàng	3.722.638.882	-	-	-
- Các đối tượng khác	4.997.477.889	(982.406.043)	8.773.194.764	(976.937.243)
Cộng	11.543.351.921	(982.406.043)	13.148.855.316	(976.937.243)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	224.000.000	-	224.000.000	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	133.000.000	-	1.658.000.000	-
- Công ty CP tư vấn xây dựng T.A.L	91.000.000	-	824.500.000	-
- Các đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	224.000.000	-	224.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.170.000.000	-	(*)	1.670.000.000
+ Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh (1)	1.170.000.000	-	(*)	1.170.000.000
+ Công ty Cổ phần Ô tô Cam Ranh	-	-	(*)	500.000.000
Cộng	1.170.000.000	-	(*)	1.670.000.000

(1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh với số lượng cổ phần nắm giữ đến 01/01/2019 là 117.000 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 6,5%. Ngày 20/06/2019, Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh phát hành cổ phiếu thưởng tăng 100% vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 (tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 1.801.800 cổ phiếu), Công ty nhận được 117.000 cổ phiếu tương ứng (phần cổ phiếu thưởng này chỉ ghi nhận tăng số lượng trên thuyết minh BCTC này và không ghi giá trị cổ phần nhận được). Số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2019 là 234.000 cổ phiếu.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	984.022.043	1.616.000	984.022.043	7.084.800
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Dầu tư Khánh Hòa	457.802.124	-	457.802.124	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	113.319.150	-	113.319.150	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	99.453.843	-	99.453.843	-
- Phải thu các khách hàng và cá nhân khác	313.446.926	1.616.000	313.446.926	7.084.800
	984.022.043	1.616.000	984.022.043	7.084.800

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	161.626.172	-	295.879.064	-
Công cụ, dụng cụ	255.128.540	-	262.603.525	-
Hàng hóa	595.502.530	-	492.234.133	-
	1.012.257.242	-	1.050.716.722	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
Số 29 Nguyễn Trùng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	500.296.297	-	783.072.143	-
- Thuế thu nhập cá nhân	55.886.567	-	67.243.217	-
- Tạm ứng	148.600.000	-	539.100.000	-
- Bảo hiểm xã hội	88.363.135	-	82.162.250	-
- Bảo hiểm y tế	17.913.985	-	15.409.760	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	17.521.710	-	10.271.120	-
- Cấp ứng NVL cho tàu CR04 và TL.A05	55.118.570	-	55.118.570	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	116.892.330	-	10.767.226	-
- Kỳ cước, ký quỹ	-	-	3.000.000	-
Dài hạn	891.300.000	-	1.084.876.000	-
- Tiền GPMB khu hành chính chờ khấu trừ tiền thuê đất	791.300.000	-	984.876.000	-
- Kỳ cước, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
	1.391.596.297	-	1.867.948.143	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	455.234.655.871	33.139.730.684	17.043.466.952	1.169.201.214	506.587.054.721
- Mua trong năm	-	2.356.872.728	2.065.232.727	-	4.422.105.455
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	11.531.482.728	411.328.251	80.571.442	-	12.023.382.421
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.390.572.727)	(430.000.000)	-	(1.820.572.727)
31/12/2019	466.766.138.599	34.517.358.936	18.759.271.121	1.169.201.214	521.211.969.870
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(165.862.567.678)	(17.234.607.700)	(11.081.601.750)	(925.385.005)	(195.104.162.133)
- Khấu hao trong năm	(14.753.768.434)	(2.192.443.436)	(1.506.321.739)	(106.056.048)	(18.558.589.657)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.017.607.380)	(411.670.201)	-	(1.429.277.581)
31/12/2019	(180.616.336.112)	(20.444.658.516)	(12.176.253.288)	(1.031.441.053)	(212.233.474.209)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	289.372.088.193	15.905.122.984	5.961.865.202	243.816.209	311.487.892.588
31/12/2019	286.149.802.487	14.072.700.420	6.583.017.833	137.760.161	308.978.495.661

- Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 4.415.724.313 đồng.
- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay là: 236.295.879.733 đồng (tại ngày 31/12/2018 là: 245.330.513.557 đồng).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	01/01/2019 VND	31/12/2019 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	800.953.183	-
- Công trình đường công cảng - Cầu cảng, hạng mục: Bê tông xi măng đường trục nội bộ T1	256.934.091	-
- Mở rộng bến thủy nội địa	542.419.092	-
- Mua sắm tài sản cố định	1.600.000	-
	800.953.183	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	100.087.382	37.692.372
- Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	80.178.382	17.759.472
- Chi phí trả trước khác	19.909.000	19.932.900
Dài hạn	386.525.174	106.135.708
- Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	55.199.236	65.234.836
- Công cụ dụng cụ	4.052.872	40.900.872
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	327.273.066	-
	486.612.556	143.828.080

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang theo Hợp đồng tín dụng số 53815/DTDA/TD ngày 25 tháng 12 năm 2015 để đầu tư dự án xây dựng bến số 2 - Cảng Cam Ranh tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh với các điều khoản như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Thời hạn cho vay: 12 năm;
- + Kỳ hạn thanh toán cuối cùng: Năm 2027;
- + Lãi suất bình quân: 9,5%/năm;
- + Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay;

Nội dung	31/12/2019			Trong năm			01/01/2019		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>									
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	
Vay dài hạn	46.000.000.000	46.000.000.000	-	26.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	46.000.000.000	46.000.000.000	-	26.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	
	54.000.000.000	54.000.000.000	8.000.000.000	32.000.000.000	78.000.000.000	78.000.000.000	78.000.000.000	78.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	120.000.000	75.000.000
- Trích trước chi phí khác	120.000.000	75.000.000
	120.000.000	75.000.000

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	315.000.000	79.070.240
- Kinh phí công đoàn	-	8.970.240
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	305.000.000	60.100.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.000.000	10.000.000
	315.000.000	79.070.240

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	2.408.400.000	2.408.400.000
- Doanh thu nhận trước cho thuê kho bãi	2.408.400.000	2.408.400.000
b) Dài hạn	7.788.600.000	10.197.000.000
- Doanh thu nhận trước cho thuê kho bãi	7.788.600.000	10.197.000.000
	10.197.000.000	12.605.400.000

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	2.000.000.000	3.100.000.000
- Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	2.000.000.000	3.100.000.000
	2.000.000.000	3.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. TRẢ NGƯỜI BÁN

- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn
- Công ty Cổ phần dịch vụ Biển Tân Cảng
- Các đối tượng khác

	31/12/2019		01/01/2019	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
VND	VND	VND	VND	
1.554.379.950	1.554.379.950	1.119.426.825	1.119.426.825	
467.500.000	467.500.000	288.750.000	288.750.000	
1.086.879.950	1.086.879.950	830.676.825	830.676.825	
1.554.379.950	1.554.379.950	1.119.426.825	1.119.426.825	

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

- Thuế và các khoản phải nộp
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- Thuế bảo vệ môi trường
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
VND	VND	VND	VND
290.459.503	6.505.306.610	6.668.620.641	127.145.472
1.873.237.271	6.924.714.255	8.513.822.028	284.129.498
349.239.414	1.190.087.574	1.035.278.920	504.048.068
-	370.798.583	370.798.583	-
-	7.000.000	7.000.000	-
-	372.726.710	372.726.710	-
2.512.936.188	15.370.633.732	16.968.246.882	915.323.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	198.230.150.000	198.230.150.000
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	34.971.020.000
- Các cổ đông khác	11.817.000.000	11.817.000.000
	245.018.170.000	245.018.170.000

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	245.018.170.000	245.018.170.000
+ Vốn góp đầu năm	245.018.170.000	245.018.170.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ tức đã chia	9.781.472.000	6.118.354.250

21.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2019 CP	01/01/2019 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.501.817	24.501.817
+ Cổ phiếu phổ thông	24.501.817	24.501.817
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(48.200)	(48.200)
+ Cổ phiếu phổ thông	(48.200)	(48.200)
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.550.017	24.550.017
+ Cổ phiếu phổ thông	24.550.017	24.550.017
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21.5 CÁC QUỸ

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.737.835.099	2.477.231.411

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU
21.1 BẢNG ĐỔI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	245.018.170.000	-	(284.000.000)	2.407.553.411	8.100.178.721	4.162.297.082	259.404.199.214
- Lãi trong năm 2018	-	-	-	-	14.974.295.757	590.519.111	15.564.814.868
- Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(198.000.000)	-	-	-	(198.000.000)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	69.678.000	(7.497.813.250)	-	(7.428.135.250)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017	-	-	-	-	(1.309.781.000)	-	(1.309.781.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2017	-	-	-	69.678.000	(69.678.000)	-	-
+ Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(6.118.354.250)	(377.323.100)	(6.495.677.350)
31/12/2018	245.018.170.000	-	(482.000.000)	2.477.231.411	15.576.661.228	4.375.493.093	266.965.555.732
01/01/2019	245.018.170.000	-	(482.000.000)	2.477.231.411	15.576.661.228	4.375.493.093	266.965.555.732
- Lãi trong năm	-	-	-	-	22.094.704.900	389.274.583	22.483.979.483
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	536.023.028	(13.934.701.203)	(517.886.932)	(13.916.565.107)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	536.023.028	(3.617.206.175)	(106.286.932)	(3.723.493.107)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	-	-	-	(9.781.472.000)	(411.600.000)	(10.193.072.000)
+ Chi trả cổ tức	-	-	-	(275.419.340)	-	-	-
- Tăng giảm khác	-	275.419.340	-	-	(9.781.472.000)	(411.600.000)	(10.193.072.000)
31/12/2019	245.018.170.000	275.419.340	(482.000.000)	2.737.835.099	23.736.664.925	4.246.880.744	275.532.970.108

(*) Khoản phân phối Lợi nhuận theo nghị quyết số 01/2019/NQ-CCR.DHDCD ngày 12/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	80.292,82	80.306,02

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu	159.872.648.275	159.549.618.762
- Doanh thu bán hàng	30.956.175.401	29.424.263.032
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	128.916.472.874	130.125.355.730
	159.872.648.275	159.549.618.762

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	24.530.323.980	26.955.621.149
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	71.041.471.441	78.687.103.614
	95.571.795.421	105.642.724.763

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.657.184.672	1.240.814.152
- Lãi bán các khoản đầu tư	42.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	351.000.000	427.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	30.772.909
	2.050.184.672	1.698.587.061

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí lãi vay	7.019.369.445	7.997.058.333
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.016.753	-
	7.023.386.198	7.997.058.333

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	311.432.126	-
- Tiền thu bồi thường	-	302.770.000
- Các khoản khác	371.908.574	52.433.273
	683.340.700	355.203.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí bồi thường	-	175.600.000
- Các khoản bị phạt	404.723.923	16.447.076
- Các khoản chi phí khác	504.380.018	11.400.000
	909.103.941	203.447.076

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	28.682.863.083	27.933.294.758
- Chi phí nhân viên quản lý	16.179.403.418	18.646.203.300
- Chi phí vật liệu quản lý	140.611.626	1.711.576.650
- Chi phí đồ dùng văn phòng	122.670.821	-
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	928.810.175	819.102.048
- Chi phí dự phòng	5.468.800	153.366.919
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.821.331.924	5.049.230.295
- Chi phí bằng tiền khác	1.484.566.319	1.553.815.546
Các khoản chi phí bán hàng	527.474.007	304.994.065
- Chi phí nhân viên	396.200.000	203.020.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	49.537.644	40.397.178
- Chi phí bằng tiền khác	81.736.363	61.576.887
	29.210.337.090	28.238.288.823

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	4.475.733.591	8.763.331.520
- Chi phí nhân công	49.264.744.851	50.876.622.847
- Khấu hao tài sản cố định	18.586.645.241	17.141.554.371
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.381.847.708	28.282.078.023
- Chi phí bằng tiền khác	3.207.514.382	1.861.805.676
	104.916.485.773	106.925.392.437

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	6.924.714.255	4.886.406.306
- Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	6.744.388.431	4.608.255.726
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hải cảng Cam Ranh	180.325.824	278.150.580
	6.924.714.255	4.886.406.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	22.094.704.900	14.974.295.757
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	3.506.581.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	24.453.617	24.465.280
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	904	469
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	22.094.704.900	14.974.295.757
ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành		
	Năm 2019	Năm 2018
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	24.453.617	24.473.417
Ảnh hưởng của Cổ phiếu phổ thông Công ty mua lại trong năm	-	(8.137)
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm	24.453.617	24.465.280

(*) Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính năm 2019 chưa có số liệu để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019. Số liệu trích lập sẽ căn cứ vào nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

34. SỐ TIỀN ĐÃ THỰC TRẢ GỐC VAY TRONG NĂM

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền trả gốc vay theo kế ước thông thường	24.000.000.000	8.000.000.000
	24.000.000.000	8.000.000.000

35. THÔNG TIN KHÁC

34.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Công ty	Mối quan hệ
- Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong năm như sau:		
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty	1.746.403.456	2.037.916.400
Cộng	1.746.403.456	2.037.916.400
Giao dịch với các bên liên quan		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức cho Tổng công ty	7.929.206.000	4.955.753.750

34.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đã được kiểm toán.

Cam Ranh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Hồ Nguyễn Tú Anh


Nguyễn Huy Phương


Phạm Hữu Tấn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong năm như sau:		
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty	1.746.403.456	2.037.916.400
Cộng	1.746.403.456	2.037.916.400
Giao dịch với các bên liên quan		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam Chia cổ tức cho Tổng công ty	7.929.206.000	4.955.753.750

34.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đã được kiểm toán.

Cam Ranh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Hồ Nguyễn Tú Anh


 Nguyễn Huy Phương


 Phạm Hữu Tấn


Cam Ranh, ngày 05 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

 Phạm Hữu Tấn